

ĐẨY MẠNH CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA☆

VÕ NGUYỄN GIÁP



Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Được sự đồng ý của Bộ Chính trị, theo quyết định của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Hội nghị khoa học — kỹ thuật toàn quốc lần thứ hai được triệu tập nhằm động viên lực lượng khoa học — kỹ thuật cả nước phục vụ nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp do Đại hội Đảng lần thứ IV và Hội nghị

Trung ương Đảng lần thứ hai đề ra. Trước hết tôi xin chuyển đến toàn thể các đại biểu lời thăm hỏi ân cần của Bộ Chính trị, của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Phạm Văn Đồng và chúc các đại biểu khỏe mạnh, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Hội nghị chúng ta đã nghe báo cáo của đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Bản báo cáo ấy là kết quả của một sự chuẩn bị tập thể khá công phu. Với nội dung khá súc tích, nó đã điếm qua những thành tựu khoa học — kỹ thuật trong thời gian qua và đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, những chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật trong thời gian tới, nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển nền nông nghiệp của nước ta.

Hôm qua, các đồng chí đã nghe đồng chí Võ Chí Công phát biểu ý kiến. Đồng chí đã phân tích tình hình trong nông nghiệp hiện nay, nói lên mối quan hệ giữa cách mạng về quan hệ sản xuất với cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, đề ra một số vấn đề mà khoa học và kỹ thuật cần nghiên cứu giải quyết. Đồng chí cũng đã nhắc nhở các cán bộ lãnh đạo các cấp, cũng như các cán bộ khoa học — kỹ thuật phải luôn luôn kết hợp cách mạng với khoa học, khoa học với cách mạng, ra sức phấn đấu thực hiện cho kỳ được những chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

☆ Toàn văn bài phát biểu của đồng chí Võ Nguyễn Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị khoa học — kỹ thuật toàn quốc lần thứ hai, ngày 29 tháng 3 năm 1978 (bài đăng trong 2 số 6 và 7/1978). Nội dung chủ yếu của bài đăng Tạp chí Cộng sản số 5 và 6 năm 1978.

Các đồng chí đã nghe báo cáo về kế hoạch khoa học kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Hải sản, Bộ Thủy lợi, Bộ Cơ khí - Luyện kim, Bộ Điện - Than, Tổng cục Hóa chất, tham luận của một số tỉnh, huyện, của một số viện, một số nhà khoa học. Các đồng chí sẽ tiếp tục nghe báo cáo của các bộ khác, của một số địa phương nữa, tham luận của nhiều viện và nhiều nhà khoa học khác.

Mục đích và yêu cầu của Hội nghị khoa học - kỹ thuật lần này, như tôi đã nói trong buổi khai mạc, là điểm lại những thành tựu về khoa học - kỹ thuật vừa qua, *thống nhất một bước nhận thức về vị trí và mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ, nội dung và bước đi của cách mạng khoa học - kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp ở nước ta*; đồng thời *góp ý kiến vào các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật cần tiến hành*, nhằm góp phần phát triển nền nông nghiệp nước ta tiến lên một bước mới.

Hội nghị này đã được chuẩn bị từ sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai. Trong suốt thời gian chuẩn bị hội nghị cũng như trong lúc chuẩn bị bài phát biểu của tôi hôm nay, chúng tôi đã được sự đóng góp tích cực của nhiều tập thể các nhà khoa học, của cá nhân các cán bộ làm công tác khoa học, trong đó, có một số đồng chí nữ. Qua những ý kiến phát biểu trực tiếp, hoặc phát biểu bằng giấy, bằng thư, tôi rất phấn khởi thấy rằng nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật chúng ta đã hết sức quan tâm đến sự nghiệp chung, có lòng tha thiết đáng quý, mong muốn có sự cống hiến vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, một điều đáng mừng nữa là, không những các đồng chí giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, kỹ sư lâu năm, mà ngay cả nhiều đồng chí cán bộ bình thường hiện đang làm công tác trong các viện, các trường, các cơ quan, xí nghiệp v.v... cũng đã có những kiến thức, những suy nghĩ làm thế nào để kết hợp được tri thức khoa học - kỹ thuật hiện có của nước ta với những tiến bộ khoa học - kỹ thuật của thế giới, kết hợp được những kinh nghiệm của dân tộc với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển vượt bậc nông nghiệp của nước ta. Điều đó thể hiện phẩm chất cao quý của người chiến sĩ cách mạng trên mặt trận cách mạng khoa học - kỹ thuật nói chung, trên mặt trận khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp nói riêng. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí đó.

Hôm nay, tôi muốn phát biểu một số ý kiến về vấn đề **«Đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta»**.

Bài phát biểu của tôi gồm có 4 phần :

Phần thứ nhất : *Mấy vấn đề chung về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp ở nước ta.*

Phần thứ hai : *Cách mạng khoa học - kỹ thuật với các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.*

Phần thứ ba : *Cách mạng khoa học - kỹ thuật với vấn đề tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong nông nghiệp.*

Phần thứ tư : *Ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, xây dựng nền khoa học - kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến của nước ta.*

Cuối cùng là mấy lời kết luận.

PHẦN THỨ NHẤT

MẤY VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT TRÊN MẶT TRẬN NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp ở nước ta phải *xuất phát từ đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa* do Đại hội IV đề ra, từ những mục tiêu và nhiệm vụ mà Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã nêu lên cho nông nghiệp. Cuộc cách mạng ấy còn phải *xuất phát từ những điều kiện cụ thể của nền nông nghiệp, từ những tiền đề về kinh tế - xã hội cũng như về khoa học - kỹ thuật của nước ta.*

Đường lối của Đảng, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, các đồng chí đều đã có dịp nghiên cứu. Tuy vậy, tôi thấy vẫn cần nói đến một lần nữa ở đây; vì hiện nay, trong khi làm cách mạng khoa học - kỹ thuật, tiến hành công tác khoa học - kỹ thuật, chưa phải chúng ta đã quán triệt sâu sắc đường lối và Nghị quyết của Đảng, chưa phải đã xuất phát đầy đủ từ những mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế do Đảng đề ra.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa* trong giai đoạn mới ở nước ta là : **«Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xã**

dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội» (1).

Đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa lại nhấn mạnh: «**Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa**» (1). Trong hội nghị này, chúng ta cần phải nói đến nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bởi vì làm cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, phát triển vượt bậc nông nghiệp cũng là làm cho nông nghiệp thực sự trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp, tạo điều kiện để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta chủ trương thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhưng không phải chúng ta chỉ coi trọng phát triển công nghiệp, hoặc trong bước đi ban đầu thì tập trung phát triển công nghiệp nặng, rồi mới từng bước phát triển nông nghiệp. Đường lối kinh tế của Đảng nêu rõ «**ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp**»;... làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc». Như vậy, rõ ràng Đảng ta coi công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất cơ bản trong nền kinh tế xã hội, không tách rời nhau mà lại kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển nhịp nhàng. Đây là đường lối kinh tế hết sức đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với quy luật phát triển bên trong của nền sản xuất xã hội nước ta. Và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về kế hoạch 5 năm còn nêu rõ: «**Tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, ra sức đẩy mạnh lâm nghiệp, ngư nghiệp**» (2).

Để thực hiện nghị quyết của Đại hội, Nghị

quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai nêu rõ: «**Trong những năm trước mắt trên mặt trận kinh tế phải nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc hai yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân**». Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ ba một lần nữa, lại nhấn mạnh cần phải nêu cao tinh thần tích cực chủ động, tự lực tự cường, tập trung lực lượng «**thực hiện cho kỳ được nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, trước hết là vấn đề lương thực, thực phẩm trong những năm tới của kế hoạch 5 năm**», nhằm đáp ứng cả yêu cầu xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.

Sau mấy ngày tiến hành hội nghị, qua báo cáo của các bộ, các ngành, tham luận của các viện, các nhà khoa học, nêu lên những ưu điểm và những việc đã làm được, những khuyết điểm và rất nhiều việc còn phải làm, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn đường lối của Đảng, càng thấy rõ các Nghị quyết của Đảng là hết sức đúng đắn và đang chỉ đạo có hiệu quả mọi hoạt động của nhân dân ta trên mặt trận nông nghiệp.

Đường lối chung cũng như đường lối kinh tế, phương hướng và nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, những đặc điểm cụ thể và những điều kiện cụ thể của nền kinh tế xã hội nước ta,... chính là điều rất cơ bản quyết định vị trí và quy luật, nhiệm vụ và nội dung của cách mạng khoa học - kỹ thuật mà chúng ta đang ra sức phấn đấu để đẩy mạnh trên mặt trận nông nghiệp.

Khác hẳn với tình hình các nước có nền kinh tế phát triển, chúng ta đang tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội của chúng ta còn thấp; chúng ta còn thiếu sự chi viện của một nền đại công nghiệp cơ khí để thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp; những tiền đề khoa học - kỹ thuật cũng còn ở trong tình trạng mới phát triển bước đầu. Không những thế, chúng ta không đi theo con đường

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nhà XB Sự Thật, Hà Nội, 1977 tr. 29.

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nhà XB Sự Thật, Hà Nội, 1977 tr.30.

thông thường là phát triển cách mạng khoa học — kỹ thuật trong công nghiệp trước, rồi từ đó mới mở rộng đến nông nghiệp, mà chúng ta lại tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật đồng thời trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Trong những năm trước mắt, chúng ta phải nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc nông nghiệp, cho nên lại phải tập trung đầy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp. Do vậy, chúng ta phải có nghị lực rất cao, có sự sáng tạo rất lớn, phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công kết hợp với phát triển mạnh mẽ tri thức khoa học. Có như thế, chúng ta mới có thể khắc phục được những khó khăn lớn, vượt qua được những trở ngại lớn, làm cho cách mạng khoa học — kỹ thuật phát triển đúng hướng, với nhịp độ ngày càng cao, từng bước thực hiện vai trò then chốt của mình trong ba cuộc cách mạng, góp phần đưa nền sản xuất nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta hoàn toàn có đầy đủ điều kiện để tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, bởi vì chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản. Trước hết, chúng ta có đường lối vô cùng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta có chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, có nền chuyên chính vô sản, có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là sức mạnh tổng hợp vô cùng to lớn, là động lực mạnh mẽ nhất bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung cũng như cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật nói riêng đi đến thắng lợi. Như đồng chí Lê Duẩn đã nói: « Trong lĩnh vực nông nghiệp, những cái tiến bộ nhất của thời đại là gì?... Đó là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là khoa học về tổ chức lao động và quản lý kinh tế, khoa học thủy lợi, phân bón, giống, công cụ... » (1). Nếu chúng ta biết « đi sâu vào những đỉnh cao đó để từng bước nắm vững và vận dụng » (2), thì nhất định chúng ta có thể đưa nền nông nghiệp lạc hậu của nước ta tiến lên nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp trong hoàn cảnh cả nước ta đã hoàn toàn giải phóng và đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ấy khác hẳn về bản chất xã hội với cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện đang phát triển hết sức mạnh mẽ trong các nước tư bản chủ nghĩa. Ở đó, mọi hoạt động sản xuất xã hội cũng như hoạt động khoa học — kỹ thuật đều phục vụ mục tiêu lợi nhuận ích kỷ và chính sách xâm lược của số ít bọn tư bản lũng đoạn. Ở nước ta, do

tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, các mục tiêu của cách mạng khoa học — kỹ thuật đều xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đều nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động, mang lại ấm no và hạnh phúc trước mắt và lâu dài cho nhân dân.

Phương hướng và nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, cũng như mục tiêu của nhiệm vụ cách mạng khoa học — kỹ thuật đều rất phù hợp với nguyện vọng sâu xa của nhân dân lao động, phù hợp với yêu cầu cơ bản của nền kinh tế quốc dân. Do đó, chúng ta có những khả năng to lớn để phát huy tài năng và trí tuệ của đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật, để động viên nghị lực sáng tạo của đông đảo quần chúng nông dân lao động, cũng như của đông đảo quần chúng công nhân trong nông nghiệp trong các ngành kinh tế khác phục vụ cho nông nghiệp, làm cho cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trên mặt trận nông nghiệp phát triển mạnh mẽ và đúng hướng, góp phần xứng đáng đưa nông nghiệp nước ta tiến lên những bước mới.

Là cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, cuộc cách mạng ấy đương nhiên phải xuất phát từ những điều kiện đất nước và con người Việt Nam, đồng thời từ những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp khác với sản xuất công nghiệp. Nhân dân lao động nước ta vốn có truyền thống lao động cần cù, dũng cảm, bất khuất, thông minh và sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp được tích lũy lâu đời. Nước ta lại được thiên nhiên ưu đãi, ánh nắng quanh năm, cây cỏ xanh tươi bốn mùa, đất đai màu mỡ, biển cả bao la, có nhiều tài nguyên phong phú trên mặt đất và trong lòng đất. Mặt khác, thiên nhiên nước ta cũng có mặt khắc nghiệt, đặt ra trước chúng ta những khó khăn mà chúng ta cần phải ra sức khắc phục. Đó là những đặc điểm về con người, về đất nước, về hệ sinh thái, mà khoa học — kỹ thuật phải đi sâu nghiên cứu và nắm cho được quy luật phát sinh và phát triển để xác định phương hướng hành động đúng đắn, nhằm phục vụ công cuộc xây dựng một nền nông nghiệp **hiện đại** ngày càng hiện đại nói chung trong cả nước, nói riêng trên từng vùng lãnh thổ. Chúng ta sẽ đi sâu vào các vấn đề này ở các phần sau.

Ở đây, tôi muốn nói đến những nét riêng biệt của sản xuất nông nghiệp khác với sản xuất công nghiệp, những nét riêng biệt mà khi tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật

(1), (2) Lê Duẩn. Về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp. NXB Sự Thật, Hà Nội, 1975. tr. 31.

trong nông nghiệp ở nước ta cũng như ở các nước trên thế giới đều phải quan tâm nghiên cứu. Khác với sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp diễn ra trong không gian rộng lớn, rải ra trên những vùng đất đai có điều kiện trồng trọt và chăn nuôi khác nhau. Đặc điểm này có ảnh hưởng lớn đến việc bố trí sản xuất, phân bố dân cư và phân công lao động trong nông nghiệp, đòi hỏi phải được nghiên cứu để định ra các biện pháp kinh tế — kỹ thuật đối với sản xuất ở từng vùng từng địa phương.

Trong sản xuất nông nghiệp, quá trình tái sản xuất kinh tế và quá trình tái sản xuất tự nhiên kết hợp chặt chẽ với nhau, thời gian lao động xen kẽ với thời gian sản xuất. Như C. Mác đã từng nói: «... Trong lĩnh vực nông nghiệp, quá trình tái sản xuất kinh tế, dù tính chất đặc thù của nó như thế nào chăng nữa, luôn luôn chẳng chít với quá trình tái sản xuất tự nhiên...» (1). Do đó mà sinh ra tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp và cả một loạt vấn đề mà khoa học kỹ thuật phải nghiên cứu và giải quyết như: kết hợp sản xuất chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp, phát triển các ngành, nghề ở nông thôn, áp dụng những biện pháp khoa học — kỹ

thuật để hạn chế đến mức tối thiểu ảnh hưởng của tính thời vụ.

Một đặc điểm nữa trong nông nghiệp là sử dụng các cây trồng, các con vật nuôi là những vật thể sống có quá trình sinh trưởng theo quy luật riêng của chúng, với tư cách là những tư liệu sản xuất đặc biệt. Các tư liệu sản xuất này được tái sản xuất ra trong bản thân nông nghiệp bằng cách sử dụng trực tiếp sản phẩm sản xuất ra (hạt giống, trứng...) ở chu trình sản xuất trước, để làm tư liệu sản xuất ở chu trình sau. Như vậy, việc hoàn thiện một bộ phận quan trọng của tư liệu sản xuất được thực hiện trong bản thân nông nghiệp cũng đặt ra hàng loạt vấn đề mà khoa học, kỹ thuật phải tìm hiểu, nghiên cứu, như chọn lựa, lai tạo các giống cây trồng, giống vật nuôi v.v...

Từ những đặc điểm nói trên chúng ta thấy, sản xuất nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp có liên quan mật thiết với đất đai và các điều kiện thiên nhiên, khí hậu ở từng vùng, từng địa phương. Trong sản xuất nông nghiệp, quá trình lao động của con người liên

(1) Các Mác. Tư bản, Quyển II, tập II, tr. 17.



Giảng viên bộ môn kỹ thuật lương thực — thực phẩm Trường đại học Bách khoa thực hiện đề tài nghiên cứu sấy nông sản.

Ảnh: HÀ VIỆT (TTXVN)

quan chặt chẽ với quá trình sinh trưởng tự nhiên của các sinh vật, của thực vật và động vật các loại. Lao động của con người là hoạt động có ý thức nhằm chủ động chọn ra những giống tốt nhất về cây trồng và vật nuôi và tạo ra những điều kiện tốt nhất cho quá trình sinh trưởng của cây trồng và vật nuôi ấy — quá trình tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Như vậy, con người bằng sức lao động của mình, không thể thay thế quá trình phát triển của bản thân giới tự nhiên, mà kết quả của quá trình lao động phải thông qua quá trình phát triển của sinh vật mới có thể sản xuất ra sản phẩm của nông nghiệp. Nói về vấn đề này, Lênin viết: «... Nói chung, thay thế các lực lượng tự nhiên bằng lao động của con người là không thể được, cũng như không thể thay thế *ac-sin* bằng *pút*. Và trong nông nghiệp, con người chỉ có thể sử dụng tác động của các lực lượng tự nhiên, nếu nhận thức được tác động của chúng...» (1). Vì vậy trong khi tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, chúng ta phải hết sức coi trọng những đặc điểm nói trên.

Chúng ta tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp, trong lúc cuộc cách mạng ấy trên thế giới đang phát triển rất mạnh mẽ ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả các nước ở Đông — Nam châu Á. Ngày nay, người ta thường nói đến «cách mạng xanh», «cách mạng trắng», đến nhiều loại cách mạng khác nữa trong nông nghiệp. Nhưng tri thức khoa học — kỹ thuật và những tiến bộ khoa học — kỹ thuật được vận dụng trong nông nghiệp đang có những phát triển rất mới. Các khoa học cơ bản có liên quan đến nông nghiệp như sinh học, di truyền học, sinh thái học v.v... đang trải qua những bước phát triển nhảy vọt. Chúng ta phải hết sức theo dõi và nhanh chóng tiếp thu, nhanh chóng làm chủ những tri thức khoa học, những tiến bộ khoa học — kỹ thuật mới nhất trong nông nghiệp của các nước để vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thiên nhiên nước ta, thúc đẩy nông nghiệp nước ta phát triển. Đồng thời, chúng ta cũng phải theo dõi các mặt tiêu cực đã xảy ra bởi sự theo đuổi lợi ích trước mắt, bởi những phương hướng không đúng đắn của cách mạng khoa học — kỹ thuật ở một số nước tư bản chủ nghĩa. Hiện nay, người ta ngày càng nói nhiều đến nguy cơ phá hoại sinh thái, ô nhiễm môi trường, đến nạn thiếu nước ngọt sau này, đến những vùng đất đai đang biến thành sa mạc làm tổn thất trên quy mô lớn đến tiềm năng của các nước và của nhân loại. Trước đây, trong khi nghiên cứu nền văn minh Hy Lạp, Lương Hà và Ba Tư, Mác cũng đã từng

nói: «Một nền văn minh nếu phát triển tự phát mà không được hướng dẫn một cách có ý thức sẽ để lại sau mình cả một bãi sa mạc» (2). Với tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu cao cả phục vụ văn minh và hạnh phúc của con người, cách mạng khoa học — kỹ thuật ở các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta, nhất định đi theo những phương hướng đúng đắn, tránh được những mặt tiêu cực và nguy hại nói trên.

Chúng ta chủ trương phát triển vượt bậc nông nghiệp, đẩy mạnh cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp với sức mạnh vô cùng to lớn của đông đảo quần chúng nhân dân, dưới ánh sáng đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Nhân dân ta, trong đó có cả các đại biểu về dự hội nghị này, đều hết sức tin tưởng vào đường lối của Đảng, đều cho rằng đường lối ấy là rất đúng, rất hay, nhưng về tổ chức thực hiện đường lối thì phần nào còn chưa tin tưởng lắm. Trên thực tế, về vấn đề tổ chức thực hiện đường lối của Đảng thì tuy đã làm được nhiều, nhưng hiện làm chưa tốt lắm, còn có những hiện tượng trì trệ cần phải nhanh chóng khắc phục. Nhưng chúng ta phải thấy rằng, khi đã có đường lối đúng đắn và sáng tạo thì đó là nhân tố bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của cách mạng. Đường lối khi đã thấm sâu vào đông đảo quần chúng sẽ biến thành sức mạnh hành động của mỗi người, của tập thể 50 triệu nhân dân ta, sẽ giải quyết được vấn đề tổ chức thực hiện. Và chính đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo đó luôn luôn mang sẵn trong mình phương pháp hành động đúng đắn, mang sẵn sức mạnh để giải quyết từng bước các vấn đề tổ chức thực tiễn. Cho nên, sức mạnh to lớn nhất, sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng là sức mạnh đường lối của Đảng.

Do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, theo đường lối của Đảng, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ở nước ta, như trên đã nói, phải xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, phục vụ những yêu cầu của quy luật đó một cách tích cực, chủ động, có hiệu quả. Nghị quyết của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng vạch rõ: «Việc xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất trên cơ sở

(1) Lênin. Tuyền tập, tập 5, tr. 103. (Tiếng Nga).

(2) Các Mác và Ăngghen. Toàn tập, tập 32, tr. 45.

chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại" (1)

Trong khi đề ra nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai cũng lại xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà đề ra ba mục tiêu là:

- « 1 - Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội... và có lương thực dự trữ.
- 2 - Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp...
- 3 - Tăng nhanh hàng xuất khẩu... ».

Quán triệt đường lối và Nghị quyết của Đảng, mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp, hoàn toàn thống nhất với những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra cho nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Hiện nay, chúng ta đang tập trung lực lượng khoa học-kỹ thuật trong cả nước để đẩy mạnh cách mạng khoa học-kỹ thuật, nhằm góp phần tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp, mà trước hết là giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm trước mắt và lâu dài, thực hiện các mục tiêu do Đảng và Nhà nước đề ra.

Trước hết, tôi muốn dành thời gian nói về vấn đề ăn của nhân dân ta. Bởi vì đây là một vấn đề quan trọng hàng đầu mà cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp nước ta phải góp phần giải quyết, là một vấn đề không những cấp bách hiện nay, mà cho cả các thế hệ mai sau.

F. Angghen đã từng nói: « Mác đã tìm ra cái sự thật giản đơn mà trước kia đã bị một đồng tư tưởng che kín mắt là: trước hết, con người cần phải ăn, uống, ở và mặc trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, ... » (2). Vì sao Angghen lại nói như vậy? theo tôi, ở đây, Mác muốn nói hoạt động cơ bản của con người trước tiên là sản xuất ra của cải vật chất, có cái đó rồi mới nói đến hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật... Cho nên trong suốt quá trình phát triển của lịch sử loài người, từ lúc còn đang sống trong chế độ cộng sản nguyên thủy, mối quan tâm đầu tiên của con người là lo kiếm tất cả những gì có thể ăn được để nuôi sống mình. Lúc bấy giờ, vấn đề nên ăn cái gì và ăn như thế nào, thì con người hầu như chưa nghĩ đến. Cho đến lúc xã hội phân chia thành giai cấp, những kẻ thống trị thì ngày càng thừa ăn, còn nhân dân lao động bị bóc lột thì ngày càng thiếu ăn. Bởi vậy, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, triết học... của giai cấp bóc lột cũng không nói gì đến vấn đề ăn, vì họ đã ăn sung mặc sướng rồi, còn nghĩ gì đến nữa. Trong suốt cả thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, tình hình diễn ra đúng như vậy.

Đảng ta ngay từ khi ra đời, đã đề ra khẩu hiệu cơm áo và ruộng đất, đã nghĩ tới vấn đề ăn no mặc ấm, vấn đề nhà ở của nhân dân. Bác Hồ thường nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến bữa ăn, đến « tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân ». Bấy giờ, trong Nghị quyết của Đại hội và của các Hội nghị Trung ương, Đảng ta lại đề ra cần phải giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân. Đó là một biểu hiện cực kỳ cao quý, chỉ có trong chế độ xã hội chủ nghĩa mới có được. Chúng ta lo cho vấn đề ăn của nhân dân, lo chưa được tốt lắm. Chúng ta hết sức lo lắng. Các anh trong Bộ Chính trị đều ngày đêm lo nghĩ đến vấn đề ăn của nhân dân.

Về bữa ăn, theo những kết luận mới đây của khoa học-tôi nói mới đây, bởi vì khoa học về ăn đến thế kỷ 20 mới ra đời-là phải có số lượng và chất lượng. Còn đi vào cơ cấu thành phần như thế nào, thì ít nhất phải có 5 nhóm: chất đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng. Khoa học phải đi sâu nghiên cứu vấn đề ăn của nhân dân ta, không những để giải quyết được vấn đề số lượng, mà phải giải quyết cả vấn đề chất lượng, không những giải quyết được hiện nay mà cho cả mai sau. Chúng ta phải suy nghĩ như vậy và phải làm cho được như vậy, phải thật sự bắt tay vào làm một cách tích cực để nhanh chóng giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân.

Chúng ta giải quyết vấn đề ăn phải kể cơ cấu bữa ăn như thế nào đây? Trước hết là ăn cho no đồng thời phải nghĩ đến chất lượng bữa ăn. Đó là nói về nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể con người. Chúng ta lại phải xuất phát từ khả năng kinh tế và điều kiện tự nhiên của nước ta, của cả nước và phần nào của từng địa phương. Hiện nay trong bữa ăn hàng ngày của chúng ta theo tập quán lâu đời thì gạo phải chiếm một tỷ lệ rất lớn. Nhưng chỉ tính sơ qua thì ai cũng biết rằng với diện tích trồng lúa có hạn, với dân số ngày càng tăng, chúng ta không thể nào bảo đảm có được một tỷ lệ gạo cao như vậy. Trong lúc đó thì khả năng đất đai của nước ta về trồng màu rất lớn; mà các loại màu như ngô, khoai, sắn... đều có hàm lượng các chất dinh dưỡng nhất định. Như vậy, một phương hướng lớn của khoa học và kỹ thuật là phải nghiên cứu để tăng tỷ lệ trồng màu, làm tốt việc chế biến màu. Đương nhiên cũng có khi giải quyết vấn đề bữa ăn bằng cách tăng thêm hàng xuất khẩu để đổi lấy

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. NXB Sự thật, Hà Nội, 1977. trang 24.

(2) Mác và F. Angghen Tuyên tập. Tập 2, NXB Sự Thật. H. 1971. tr. 198.

lượng thực, thực phẩm; nhưng tốt nhất là chúng ta tự sản xuất được lương thực, thực phẩm nhất là trong khi tiềm năng tự nhiên của nước ta có đầy đủ điều kiện để làm vậy.

Giảm bớt tỷ lệ gạo tăng thêm tỷ lệ các loại màu là phương hướng quan trọng để giải quyết chất đường trong bữa cơm hàng ngày. Hiện nay, do sản xuất lúa gạo gặp khó khăn mấy năm liền, nên bữa ăn của nhân dân ta đã có một tỷ lệ màu khá lớn, có nơi có cả khoai tây, cao lương, ở thành thị và các khu công nghiệp thì có bột mì. Thực hiện tốt chủ trương đầy mạnh trồng màu hơn nữa, chúng ta càng phải nghiên cứu chế biến màu thật tốt làm cho các loại màu trở thành một thành phần quan trọng của bữa ăn, vừa cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng, vừa ăn ngon hơn, hợp khẩu vị hơn. Đối với các vùng đồng bằng có khả năng trồng màu cần phải làm như vậy; đối với vùng trung du, vùng núi và vùng cao nguyên càng phải làm như vậy; bởi vì ở đây đất đai trồng các loại màu thì có nhiều mà đất trồng lúa lại có hạn. Chúng ta thấy rõ vấn đề cơ cấu bữa ăn không những có quan hệ đến chất lượng dinh dưỡng mà còn có quan hệ đến khả năng giải quyết số lượng.

Nói đến vấn đề giải quyết chất đạm thì có đạm động vật, có đạm thực vật. Về động vật có những động vật ăn bột như lợn chẳng hạn. Nhưng cũng có những động vật ăn cỏ như trâu, bò, dê...; rồi đến cá, tôm... là những nguồn cung cấp chất đạm rất quan trọng. Về thực vật thì có nhiều loại: đậu tương, đậu xanh... Nước mắm, tương, rất giàu chất đạm, là những thức ăn quen thuộc không thể thiếu của nhân dân ta. Ngoài ra, trứng, sữa và các sản phẩm của sữa là nguồn cung cấp nhiều chất dinh dưỡng. Ở đây tôi muốn nói thêm về sữa cho trẻ em và cả người lớn. Ở các nước, người ta đã dùng phổ biến sữa bò, sữa trâu, có nước thì dùng cả sữa dê, sữa ngựa. Khả năng sữa các loại của nước ta rất lớn. Khoa học kỹ thuật cần được đầu tư vào để giải quyết nhu cầu về sữa cho nhân dân.

Về chất béo thì có nguồn động vật như thịt, mỡ, nguồn thực vật như các chất dầu và mỡ lấy từ lạc, vừng, dừa; ở vùng trung du và miền núi có dầu sỏ, dầu lai... Khoa học, kỹ thuật cần phải nghiên cứu chế biến tốt các loại dầu và mỡ để cung cấp năng lượng cho cơ thể con người.

Còn về vi-ta-min và chất khoáng thì chúng ta có nhiều loại hoa quả, nhiều loại rau đậu, có khả năng rất lớn để giải quyết tốt, nhưng cũng phải nghiên cứu giải quyết như thế nào cho khoa học và phù hợp với hoàn cảnh của chúng ta, trong cả nước và ở từng địa phương. Vấn đề nước chè, nước ngọt, nước giải khát các

loại cũng là vấn đề lớn, nhất là đối với nhân dân ta sống và lao động trong điều kiện khí hậu nhiệt đới. Nước ta có thể trồng chè nhiều hơn nữa. Các loại hoa quả của ta rất phong phú; cho nên giải quyết tốt nhu cầu nước chè, nước ngọt là một khả năng hiện thực.

Vừa qua, khi đi một số địa phương để tìm hiểu tình hình kinh tế và khoa học, kỹ thuật, nghe các đồng chí ở địa phương báo cáo, tôi thấy phần lớn các báo cáo đó đều nói đến tình hình đất đai như thế nào, trồng những cây gì, nuôi những con gì, máy kéo có bao nhiêu, phân hóa học, nhất là phân lân và phân đạm ra sao v.v... như vậy là đúng; nhưng lại rất ít nói đến vấn đề bữa ăn của nhân dân nên như thế nào. Còn đối với chúng ta, các cán bộ khoa học và kỹ thuật, thì chúng ta cũng chỉ mới bắt đầu nghiên cứu về phương hướng giải quyết vấn đề ăn và cơ cấu bữa ăn của nhân dân. Chúng ta phải đi vào nghiên cứu cụ thể đối với từng địa phương. Ở đồng bằng sông Hồng, bữa ăn có gạo lại có thể có khoai tây, đậu phụ nhiều hơn. Ở đồng bằng sông Cửu Long thì ngoài gạo ra có nhiều tôm cá, nhiều loại trái cây. Tôi đi một số tỉnh ở ven biển, cũng có tỉnh đã nghĩ đến thành phần bữa ăn của nhân dân cho đến năm 1980 hoặc 1985, nhưng tỷ lệ cá biển lẽ ra phải tăng lên nhiều thì lại chỉ đề ra như hiện nay. Nếu trong cơ cấu bữa ăn khoai tây, cao lương, các loại đậu, tôm cá, hoa quả tăng thêm thì tỷ lệ gạo có thể giảm bớt như thế nào, đó là vấn đề cần nghiên cứu.

Bữa ăn ở các thành thị và các khu công nghiệp trước mắt là phải bảo đảm số lượng nhưng cũng phải nghĩ đến chất lượng nên như thế nào. Ở đây phần lớn là các anh chị em công nhân, là những người lao động trí óc, các em học sinh... Cơ cấu bữa ăn phải từng bước đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của từng loại lao động: lao động thường khác với lao động nặng nhọc, lao động trong điều kiện có độc hại, lao động chân tay khác với lao động trí óc. Tôi muốn đề cập ở đây đến vấn đề tổ chức bữa ăn, vì vấn đề này là chung cho cả nước nhưng cấp thiết nhất là ở các thành thị và khu công nghiệp. Hiện nay, mới tính sơ bộ trong cả nước có đến khoảng một triệu người lo việc nấu ăn, các chị em phụ nữ rất vất vả. Thế thì phải tổ chức bữa ăn như thế nào cho hợp lý hơn, khoa học hơn, tiết kiệm lao động hơn, bớt nặng nhọc cho chị em phụ nữ? Tổ chức ăn ở gia đình như thế nào, ở tập thể nhỏ như thế nào, ở các cơ quan, các xí nghiệp lớn như thế nào? Đây là một vấn đề khá phức tạp mà khoa học, kỹ thuật cần đi sâu nghiên cứu và tổ chức một số điểm thí nghiệm để phổ biến dần.

Tôi lên thăm mấy tỉnh ở Tây Bắc và Việt

Bắc. Ở đây các địa phương chưa nghĩ đến cơ cấu bữa ăn ở miền núi, và trên rẻo cao nên như thế nào. Cho nên, mặc dù màu thì đủ, hoa quả thì nhiều, thịt cũng không phải là quá ít, nhưng đồng bào vẫn cho là thiếu ăn, chỉ vì một lý do là ở đây thiếu gạo. Hơn thế nữa, chăn nuôi là thế mạnh của miền núi, như ba tỉnh ở Tây Bắc có đến mấy chục vạn trâu bò, nhưng sử dụng như thế nào thì chưa có phương hướng cụ thể. Các đồng chí ở địa phương xác định đây là thế mạnh, nhưng thế mạnh này cần được phát huy như thế nào cho có lợi, vì trâu bò hiện nay chỉ dùng một phần nhỏ để làm sức kéo. Chưa mấy ai nghĩ rằng, bữa ăn của nhân dân ở Tây Bắc có thể có nhiều thịt hơn các nơi khác, rồi còn có thể có sữa nữa. Hiện nay, ở Hoàng Liên Sơn có một trạm nuôi trâu sữa. Chúng ta có thể xây dựng nhiều trại giống như thế, không những chỉ có mấy chục con trâu sữa như hiện nay, mà phải có nhiều hơn nữa, gấp trăm, gấp nghìn lần, để cung cấp sữa uống cho đồng bào được không. Vấn đề này ít nơi nghĩ đến, vì trước kia chỉ có « ông tây », « bà đầm » mới uống sữa, còn đồng bào trên miền núi thì làm sao có sữa mà uống? Chắc các đồng chí đã biết đồng bào Cao Bằng có địa phương ăn ngô là chủ yếu, nhưng vóc người rất to, cao và rất khỏe; Đồng bào Mèo ăn bẹ, tán bẹ ra để nấu cháo bột; nếu chúng ta đưa khoa học vào để nghiên cứu chế biến và cải tiến thì sau này có thể là một cách ăn văn minh. Theo thói bữa ăn của đồng bào Việt Bắc và Tây Bắc rồi đây có thể phong phú và đầy đủ hơn bây giờ nhiều nếu biết nghiên cứu cơ cấu và chế biến tốt.

Tôi lên Tây Nguyên, các đồng chí ở địa phương đưa ra một bản báo cáo về kinh tế và khoa học kỹ thuật đã được chuẩn bị công phu, trong đó có nêu nhiều vấn đề rất tốt, nhưng lại không nói gì đến vấn đề bữa ăn của nhân dân. Khi hỏi về phương hướng giải quyết bữa ăn của đồng bào, các đồng chí suy nghĩ một lúc rồi nói, đây là một vấn đề rất khó trả lời vì chưa điều tra, nghiên cứu. Bây giờ đồng bào còn thiếu ăn, chúng ta phải làm thế nào để đồng bào có ăn cho no, như vậy là rất đúng. Và muốn ăn no thì phải thâm canh lúa, phải phát triển màu như thế nào. Phải nghĩ đến nhu cầu trước mắt và phải nhìn xa hơn một chút. Khi đồng bào đã đủ ăn thì cơ cấu bữa ăn nên như thế nào cho phù hợp với địa phương, cho khoa học và có chất lượng. Không thể để đồng bào Tây Nguyên chúng ta ăn uống kham khổ như thế này mãi được.

Trên thế giới mỗi dân tộc thường có những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau, sản

xuất những loại lương thực khác nhau, phong tục, tập quán cũng khác nhau. Ở châu Á thì dùng gạo, ở châu Âu và bắc Mỹ thì dùng lúa mỳ, nhiều nước ở châu Phi coi sắn, khoai sọ, chuối là lương thực chủ yếu. Ở châu Mỹ la-tinh thì coi ngô là loại hạt thiêng liêng và đầy dinh dưỡng. Nhiều dân tộc ở phía Bắc châu Á lại phát triển cây cao lương, cây đậu tương làm lương thực, thực phẩm. Dân Pô-li-nê-gi thì lấy xa-ké—là một loại cây thuộc họ mít và khoai sọ làm thức ăn chính. Ở nhiều nước châu Âu người ta đều ăn khoai tây trong bữa ăn chính, mặc dầu khoai tây mới nhập vào mấy thế kỷ gần đây. Như vậy, tập quán tuy có sức ý nhưng không phải là một cái gì không thể thay đổi.

Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu trên đất nước ta có những thứ cây gì, những con vật gì, có những quần thể động vật, thực vật gì và ở các nước khác có những loại gì phù hợp với nước ta có thể nhập vào để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, giải quyết tốt nhất vấn đề ăn cho nhân dân. Khoa học và kỹ thuật của chúng ta phải đi sâu nghiên cứu và giải quyết các vấn đề đó. Có đồng chí chủ trương giải quyết vấn đề đạm hiện nay bằng tăng thêm thành phần đậu tương. Rất đúng, vì đậu tương là một cây rất quý, vừa giải quyết vấn đề đạm cho người vừa làm cho đất màu mỡ thêm. Những ý kiến như vậy cần được nghiên cứu và nghiên cứu tập trung hơn. Trong những năm kháng chiến, bộ đội đóng quân trong rừng, lúc thiếu lương thực thường ăn củ mài, củ từ, ăn rau tàu bay; ở Tây Nguyên ngoài sắn củ ra còn có lá bép, lá sắn muối, có nhiều chất đạm. Chúng ta phải đi sâu nghiên cứu hơn nữa để tìm ra những thứ có thể dùng làm lương thực, thực phẩm không những cho bây giờ, mà cả sau này. Đạm, ao, sông, biển của chúng ta có trữ lượng tôm cá rất lớn, đó là một nguồn thực phẩm rất quan trọng của nước ta, biển của ta có nhiều loại hải sản giàu đạm. Vì vậy, vấn đề nuôi, khai thác và chế biến cá, tôm và các loại thủy sản khác nhằm cung cấp một nguồn đạm lớn cho bữa ăn của nhân dân ta là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu quan trọng của khoa học và kỹ thuật. Nói đến các loại hải sản thì hải sản cò-lô-ren-la, xpi-lu-lin có tỷ lệ đạm rất cao; bây giờ chúng ta đang nghiên cứu để làm thức ăn cho gia súc; phải tiến tới nghiên cứu và chế biến một số loại hải sản, ở vùng biển của ta có nhiều, để làm thức ăn cho người như một số nước đã làm.

Chúng ta đều biết, trên thực tế không có một loại thức ăn nào có đủ tất cả các chất dinh dưỡng cơ bản. Khoa học hiện nay mới

phát hiện ra khoảng 45 chất. Các chất này có thể có sẵn trong lương thực, thực phẩm, hoặc có thể sẽ được tạo ra trong quá trình chế biến thức ăn. Cho nên, một trong những nhiệm vụ của khoa học-kỹ thuật để giải quyết vấn đề ăn là phải xác định thành phần cân bằng của các loại thức ăn trong cơ cấu tổng hợp của bữa ăn; phải nghiên cứu chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thức ăn như thế nào nhằm bảo đảm cho bữa ăn của nhân dân ngày càng thỏa mãn đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cả về số lượng và chất lượng.

Từ thực tế nói trên, chúng ta thấy rõ vấn đề ăn là một vấn đề chiến lược trước mắt cũng như về lâu dài; nó chi phối một phần quan trọng phương hướng phát triển của nông nghiệp nước ta, chi phối những phương hướng lớn về nghiên cứu khoa học - kỹ thuật của chúng ta. Cho nên cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp phải góp phần tích cực nhất vào việc giải quyết lương thực và thực phẩm giải quyết vấn đề ăn. Chúng ta phải căn cứ vào điều kiện thiên nhiên, vào khả năng kinh tế của nước ta, phải phát huy tinh thần sáng tạo trong nghiên cứu khoa học. Chúng ta lại phải đi sâu nghiên cứu tập quán và nhu cầu về dinh dưỡng của nhân dân trong cả nước và trong từng địa phương những tập quán và những nhu cầu do điều kiện lao động và hoàn cảnh tự nhiên đòi hỏi. Đây là một biểu hiện của sự quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong sản xuất và trong đời sống.

Xuất phát từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, sau khi đã nhấn mạnh nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng còn nêu rõ: việc phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp phải thực hiện cho được mục tiêu: «*Cung ứng nguyên liệu nông sản, lâm sản, hải sản cho công nghiệp*, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dệt và giấy, công nghiệp chế biến cao su, chế biến gỗ, và công nghiệp sản xuất một số hàng tiêu dùng thiết yếu». Mục tiêu ấy không những đã xác định tầm quan trọng của nông, lâm, ngư nghiệp trong việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, mà còn nói lên tầm quan trọng của nông, lâm, ngư nghiệp đối với vấn đề mặc, ở, sức khỏe, học hành,... của nhân dân ta.

Vấn đề mặc. Đồng bào ta thường mặc những thứ gì? Trước đây, nói đến mặc, chúng ta thường nghĩ ngay đến bông, vải, lụa, lĩnh, đến các loại hàng tơ lụa khác... Ngày nay, cách ăn mặc và nguyên liệu để may mặc đã khác trước rất nhiều. Do sự xuất hiện của

công nghiệp hóa chất, con người đã tạo ra cho mình nhiều loại hàng mới và cách ăn mặc ngày càng phong phú hơn. Nhưng nguồn nguyên liệu để giải quyết vấn đề mặc, hiện nay và lâu dài sau này nữa, chủ yếu vẫn phải do nông nghiệp và lâm nghiệp cung cấp.

Ở nước ta, có nhiều vùng trồng bông được, cây bông có thể phát triển tốt, như ở Thuận Hải, Phú Khánh, Chèo Reo... Để phát triển trồng bông, các đồng chí làm công tác khoa học - kỹ thuật cần phải nghiên cứu để giải quyết vấn đề nước và tìm cách phòng trừ sâu bệnh; làm thế nào để vùng trồng bông đạt năng suất cao, hiệu quả kinh tế lớn, cung cấp được nhiều nguyên liệu có chất lượng tốt cho công nghiệp dệt ở nước ta.

Nói đến nguyên liệu may mặc không phải chỉ có cây bông; mà còn phải trồng dâu nuôi tằm ương tơ để kéo sợi, dệt lụa. Ở nước ta, có nhiều địa phương có truyền thống như lụa Hà Đông, lĩnh Tân Châu... vì sao có những truyền thống như thế, có nhiều địa phương đang phát triển lên, nhưng cũng có nơi thì lại đề mai một đi? Tơ lụa là những loại quý hiện nay, không những có giá trị lớn trong việc giải quyết vấn đề mặc cho nhân dân, mà còn có giá trị xuất khẩu rất cao. Chúng ta cần phát triển mạnh mẽ hơn nữa việc trồng dâu, nuôi tằm, trên các vùng đồi, các bãi ven sông, trên bờ kênh, rạch, trên bờ vùng, bờ thửa...

Trước đây, đồng bào miền núi của ta đã từng tự giải quyết vấn đề mặc. Đồng bào Mán, đồng bào Mèo ở Việt Bắc và Tây Bắc thường trồng lanh. Ở các vùng đó, cây lanh phát triển tốt. Còn ở Tây Nguyên thì có cây bông địa phương và «*cây bông dài ngày*». Đồng bào các dân tộc đã từng dùng nguyên liệu địa phương để kéo sợi, dệt vải và đã dệt được những loại khăn, những hàng thổ cẩm, những loại váy khá đẹp.

Nói đến mặc không thể không nghĩ đến màu sắc, đến thuốc nhuộm. đương nhiên là có hóa chất. Nhưng hóa chất cũng có phần lấy từ thực vật, cây, cỏ. Hóa chất của chúng ta hiện nay còn chưa đủ, mà nhu cầu của nhân dân lại rất lớn. Cho nên, chúng ta phải nghiên cứu trồng các loại cây có thể làm thuốc nhuộm, để địa phương có thể tự giải quyết vấn đề nhuộm.

Chúng ta phải phát huy khả năng của các địa phương, kết hợp với việc cung cấp của trung ương để giải quyết vấn đề mặc cho nhân dân.

Vấn đề ở. Đây là một vấn đề hết sức khẩn trương hiện nay. Nhà ở là một không gian cư trú, biểu hiện mối quan hệ lâu đời giữa con người với ngoại cảnh. Đó là một điều kiện không thể thiếu «*để bảo đảm tự do của mỗi một gia đình*». Khoa học và kỹ thuật



Kỹ sư Trần Thị Yến, Trung tâm nghiên cứu Dầu tằm trung ương (Vũ Thư, Thái Bình) phân tích thành phần của đất để xác định biện pháp thâm canh cây dâu.

Ảnh: MINH CHÂU (TTXVN)

phải góp phần giải quyết vấn đề nhà ở như thế nào? Nhà kiểu gì, làm bằng vật liệu gì, ở nông thôn và ở thành phố, ở đồng bằng và ở miền núi, cả trước mắt và về lâu dài. Ở đồng bằng và trung du, ở một số địa phương, nhiều làng xóm được quy hoạch lại một bước, nhà gạch một tầng mọc lên nhan nhản và kiểu nhà dần dần đã có thay đổi. Ở thành phố thì việc xây dựng nhà ở là một yêu cầu rất khẩn trương, hiện đang đầy mạnh; phải nhanh chóng xây dựng thêm các khu nhà ở mới với các kiểu nhà nhiều tầng. Ở miền núi, nhà sàn có lịch sử riêng của nó, có vẻ đẹp riêng của nó, phản ánh một nét đặc sắc của văn hóa miền núi, lại tránh được ẩm ướt, mưa lũ, nhất là trên đất dốc. Vậy có nên thay thế nhà sàn bằng nhà đất như một số nơi đã làm hay là chỉ nên cải tiến nó cho đẹp hơn, văn minh hơn?

Về vật liệu xây dựng, có gỗ, gạch, ngói, xi măng, đá... Ở địa phương nào nên dùng loại vật liệu gì là chủ yếu, vì những thứ đó đều có liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp. Lấy đất ở đâu để làm gạch, làm ngói? Lấy gỗ ở đâu...? Phải có kế hoạch trồng những loại

cây gì để ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có thể giải quyết được một phần gỗ làm nhà. Tôi vào thăm mấy nhà đồng bào ở đồng bằng sông Cửu Long, có những nhà rất đẹp. Gỗ để làm nhà đều lấy từ những cây trồng ở trong vườn. Ở đó, có những cánh đồng cỏ bay thẳng cánh, trước kia địa chủ không cho trồng cây bên bờ ruộng, bờ kênh... Nay chúng ta phải nghiên cứu trồng cây gì để làm các hàng cây vừa chắn gió, vừa bảo vệ đất, làm màu mỡ đất, vừa lấy gỗ, vừa đẹp xóm làng.

Vấn đề bảo vệ sức khỏe. Ở đây, tôi chỉ muốn nói đến vấn đề dược liệu. Nước ta có nhiều ưu thế về nguồn dược liệu, có nhiều loại cây thuốc rất quý và rất phong phú như tam thất, đẳng sâm, các loại sâm khác, ba kích, xuyên khung, thảo quả và nhiều thứ khác nữa. Vừa qua, trong vấn đề phát triển nguồn dược liệu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược, chúng ta đã có tiến bộ. Chúng ta đã xây dựng những cơ sở trồng cây thuốc của trung ương cũng như ở địa phương, đã di thực được một số cây thuốc quý từ nước ngoài vào. Nhiều địa phương, hợp tác

xã, đơn vị bộ đội đã phát triển những vườn dược liệu khá phong phú. Nhưng đó mới chỉ là tiền bộ bước đầu.

Nhân dân ta từ lâu đời đã có truyền thống dùng cây cỏ để làm thuốc chữa bệnh, đã có nhiều kinh nghiệm quý báu. Chúng ta còn có rất nhiều thực vật và động vật hoang dại có thể dùng làm thuốc, nhưng chưa được bảo vệ và phát triển tốt. Nhiều loại có nguy cơ bị tiêu diệt như ba kích chẳng hạn. Như vậy, chúng ta phải đặt vấn đề khai thác đi đôi với trồng thêm. Đặt vấn đề trồng rừng cây thuốc như thế nào? Có thể có những rừng tồ mộc, rừng sa nhân, rừng thảo quả... hay không? Phải bảo vệ và phát triển những cây thuốc và con vật làm thuốc, cũng như phải tiếp tục thuần hóa các nguồn dược liệu hoang dại, khai thác những khả năng rất lớn về cây thuốc trong rừng nhiệt đới của nước ta.

Ngay trên rẻo cao đồng bào Mèo mỗi khi rời bản, người phụ nữ bao giờ cũng mang theo mình các giống cây thuốc, đến nơi ở mới là đem trồng ngay những cây thuốc đó bên cạnh nhà. Tôi cũng được báo cáo ở Tây Nguyên có một thứ thuốc để chủ động sinh đẻ, uống vào thì không sinh, nhưng lại có thứ thuốc khác uống vào thì có khả năng sinh trở lại. Rồi còn có những thứ thuốc trị bệnh phong và nhiều loại thuốc hiếm và quý khác. Có thứ đã được các địa phương phát hiện và sử dụng phổ biến. Như vậy, ở miền xuôi cũng như ở miền ngược, nhu cầu và khả năng về cây thuốc chữa bệnh của nhân dân ta rất lớn.

Dược liệu là một vấn đề rất lớn, không những có liên quan đến sức khỏe của đồng bào, mà còn là nguồn xuất khẩu có giá trị kinh tế rất cao. Khoa học và kỹ thuật phải có nhiệm vụ nghiên cứu, phải đặt thành một chương trình lớn, xúc tiến tích cực để trong một số năm nhất định chúng ta phải đạt được mục tiêu cung cấp được những nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp dược và cung cấp được nhiều thứ thuốc cần thiết cho nhân dân và cho xuất khẩu.

Vấn đề học hành. Trước hết, nông nghiệp có nhiệm vụ cung cấp nguyên liệu để làm bột giấy và gỗ để làm bàn, ghế cho nhà trường. Cho nên, khoa học, kỹ thuật phải nghiên cứu để giải quyết vấn đề này. Nguyên liệu làm giấy không phải chỉ có cây bồ đề, hay tre nứa; cần nghiên cứu cả cây lau, cây dước... Còn cây gì nữa có thể dùng làm bột giấy? Bã mía cũng có thể dùng để làm bột giấy. Vấn đề tận dụng các chất thải có khả năng dùng để chế biến bột giấy như thế nào, chúng ta cũng cần phải suy nghĩ... Nói như vậy, để thấy rằng chúng ta chưa nghiên

cứu đầy đủ các vấn đề cần phải giải quyết và có thể giải quyết do thực tiễn đặt ra.

Theo một tài liệu thống kê ở Liên Xô, 80% tư liệu tiêu dùng của nhân dân (có nơi đến 90%) là do nông nghiệp cung cấp. Ở nước ta, có tài liệu nói tỷ lệ đó là 75%. Theo tôi nghĩ, có thể nhiều hơn. Vì nước ta là một nước nông nghiệp, không có lý gì mà tỷ lệ tư liệu tiêu dùng của nhân dân ta do nông nghiệp cung cấp lại ít hơn ở Liên Xô. Tôi nói như vậy để chúng ta thấy nông nghiệp là nguồn cung cấp hết sức quan trọng về tư liệu tiêu dùng cho nhân dân, chưa nói đến cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Từ những vấn đề trình bày ở trên, chúng ta khẳng định lại một lần nữa, cách mạng khoa học-kỹ thuật nói chung và trong nông nghiệp nói riêng phải xuất phát từ những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, từ yêu cầu và nhiệm vụ mà Đảng ta đã đề ra. Chúng ta rất phấn khởi là tại cuộc Hội nghị khoa học-kỹ thuật lần thứ hai này, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, chúng ta bàn những vấn đề khoa học-kỹ thuật nhằm giải quyết vấn đề ăn, ở, mặc, học hành, sức khỏe... của nhân dân ta.

Từ yêu cầu phát triển của bản thân nền nông nghiệp nước ta, đồng thời để làm cho nông nghiệp thực sự trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng đã đề ra một trong những mục tiêu của nông nghiệp nước ta là phải «**Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu** để đổi lấy thiết bị, vật tư nhằm trang bị kỹ thuật mới cho nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển công nghiệp».

Vấn đề tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu là một phương hướng chiến lược cực kỳ quan trọng. Chúng ta thực hiện công nghiệp hóa, không phải chỉ từ nền công nghiệp sản có hiện nay, với những xưởng cơ khí hiện có và được tổ chức lại, từng bước mở rộng thêm. Con đường tự bản thân ngành cơ khí phát triển tiến lên như vậy là cần thiết, là rất đúng, rất tốt; nhưng nếu chỉ làm như vậy thì không thể tiến lên nhanh được. Một biện pháp cực kỳ quan trọng là xuất khẩu nhiều hàng hóa để đổi lấy máy móc, thiết bị kỹ thuật. Cho nên, làm nông nghiệp mà không nghĩ đến vấn đề ăn của nhân dân là sai, không nghĩ đến nguyên liệu cho công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp trong nước là sai, nhưng nếu không nghĩ đến hàng xuất khẩu thì cũng sai nốt.

Chúng ta đề ra kim ngạch xuất khẩu như hiện nay là còn thấp rất nhiều so với tiềm

năng của đất nước. Chúng ta có khả năng làm được hơn hay không? Vừa qua, ở một số tỉnh, thành, như ở Hà Sơn Bình, Hà Nam Ninh, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh..., nhiều nơi kim ngạch xuất khẩu đã tăng lên, tính theo đầu người thì có nơi trước còn kém, nhưng nay đã đứng hàng thứ nhất, thứ hai trong cả nước. Tuy nhiên, chỉ có tuyệt đối kim ngạch xuất khẩu vẫn còn rất thấp, cho nên chúng ta không nên thỏa mãn. Nước ta là một nước xã hội chủ nghĩa có nhiều tài nguyên, nhiều đặc sản rất phong phú của một nước nhiệt đới, nhưng kim ngạch xuất khẩu của ta lại rất thấp. Chúng ta phải làm nhiều hơn, mạnh hơn, nhanh hơn, làm tốt hơn nữa. Nông sản và nguyên liệu nhiệt đới có nhiều thứ hết sức quý, như cao su, chè, cà phê, dầu, hoa quả các loại, hải sản, gỗ, dược liệu, hương liệu v. v... Bây giờ chúng ta xuất khẩu hàng hóa phần lớn còn ở dạng nguyên liệu chưa chế biến, như vậy giá trị thấp, rất lãng phí, không kinh tế.

Mỗi đồng chí cán bộ khoa học-kỹ thuật, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đều phải chú trọng hướng mạnh công tác nghiên cứu vào những mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao, phải hiểu thị trường thế giới cần những thứ gì. Nếu chúng ta không chú trọng đến những sản phẩm xuất khẩu thì không thể góp phần tích cực vào việc công nghiệp hóa nước nhà. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ «Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, trước hết là sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài» (1). Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng lại nhấn mạnh: «Phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể phát triển rất mạnh sản xuất cho xuất khẩu trong cả nước, của từng tỉnh, từng huyện. Phát triển mạnh các loại sản phẩm xuất khẩu có giá trị như rau quả, dưa, chuối, cao su, cà-phê, chè, thuốc lá, hồ tiêu, quế, đậu tương, các dược liệu, hương liệu, một số sản phẩm chăn nuôi, tôm, cá, đồ mộc, đồ mây tre, mỹ nghệ, gỗ dán, gỗ lạng. Phải đầu tư kỹ thuật và áp dụng khoa học-kỹ thuật tiên tiến để phát triển sản xuất và chế biến sản phẩm xuất khẩu với chất lượng cao» (2). Các mặt hàng xuất khẩu cần phải có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Muốn đẩy mạnh công nghiệp hóa nước nhà, một trong những nhiệm vụ to lớn của công nghiệp là phải sản xuất ra nhiều hàng xuất khẩu. Ở nhiều nước, những mặt hàng xuất khẩu được thì đều dành để xuất khẩu, trong nước không dùng, hoặc chỉ dùng rất hạn chế, có như vậy mới có thể làm cho dân giàu nước mạnh được.

Tất nhiên, phát triển nông nghiệp còn có

mục tiêu phục vụ quốc phòng. Cơ lương thực đầy đủ, kể cả lương thực dự trữ của cả nước nói chung và trên các vùng chiến lược quan trọng nói riêng, là một điều kiện cực kỳ quan trọng để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp ở những vùng xung yếu biên giới, hải đảo... cũng là một chủ trương quan trọng nhằm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Trong lúc đẩy mạnh cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp chúng ta phải thấm nhuần sâu sắc đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng; phải xuất phát đầy đủ từ đường lối ấy, góp phần tích cực làm cho nông nghiệp thực sự là cơ sở để phát triển công nghiệp. Đảng ta lấy công nghiệp hóa làm nhiệm vụ trung tâm trong cả thời kỳ quá độ và coi công nghiệp hóa là cả một quá trình xây dựng nền kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công-nông nghiệp ngày càng hiện đại trong phạm vi cả nước. Nếu chủ nghĩa tư bản đã làm cho thủ công nghiệp tách rời nông nghiệp lúc đầu thì chúng ta phải làm cho thủ công nghiệp và công nghiệp hiện nay cũng như về sau luôn luôn kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp trong một mối quan hệ hữu cơ. Vấn đề ấy, Mác đã thấy từ trước, và trong bút ký để lại đã từng nói: «Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hoàn toàn cắt đứt mối liên hệ cũ, gắn bó nông nghiệp với thủ công nghiệp, khi hai ngành ấy còn ở thời kỳ ấu trĩ; nhưng đồng thời nó lại tạo ra những điều kiện vật chất cho một sự tổng hợp mới cao hơn, nghĩa là một sự kết hợp công nghiệp với nông nghiệp trên cơ sở phát triển mà mỗi ngành đã đạt được trong thời kỳ hai ngành hoàn toàn tách rời nhau» (3).

Trong khi đề ra phát triển vượt bậc nông nghiệp, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt, Đảng ta chủ trương đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với những đơn vị kinh tế có cơ cấu nông-công nghiệp ngày càng hiện đại trên địa bàn huyện. Có đi đúng theo phương hướng ấy thì nền nông nghiệp nước ta mới có thể tiến lên mạnh mẽ với những bước phát triển vượt bậc, mới

(1) Đảng Cộng sản Việt-nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà XB Sự Thật, Hà-nội, tr. 34.

(2) Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, tr.25.

(3) C. Mác — Tư Bản, Q. Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1960. tr. 257.

từng bước trở thành cơ sở để phát triển công nghiệp.

Tôi muốn nhấn mạnh những vấn đề nói trên, bởi vì chưa phải những vấn đề ấy hiện đã được quán triệt đầy đủ trong một số đồng chí chúng ta ở các địa phương cũng như trong đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Các đồng chí ấy thường quan niệm công nghiệp phải là một cái gì to lớn, hiện đại ngay từ ban đầu; mà đó chính lại là cái mà chúng ta còn thiếu, nhất là ở nông thôn. Còn các cơ sở thủ công nghiệp ở địa phương, kể cả các ngành thủ công nghiệp truyền thống, các xí nghiệp chế biến quy mô vừa hoặc nhỏ... thì có nơi lại chưa chú ý đầy đủ, chưa tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thêm. Ở nhiều địa phương, hiện đã có những hợp tác xã thủ công nghiệp làm ăn tốt, có nơi đã thực hiện cơ khí hóa từng bước; có nhiều hợp tác xã nông nghiệp, trong đó đã có những ngành thủ công nghiệp khá phát triển; đó là chưa kể những xí nghiệp cơ khí sửa chữa, hoặc sản xuất công cụ cải tiến quy mô nhỏ và vừa. Trong tình hình hiện nay, các cơ sở thủ công nghiệp và công nghiệp ấy chính là thành phần quan trọng của cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện là những ngành sản xuất mà chúng ta phải ra sức phát triển. Đồng thời cần căn cứ vào khả năng của kinh tế địa phương và sự chi viện của Nhà nước mà mở mang những xí nghiệp quy mô lớn hơn, trình độ hiện đại hơn.

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp phải tập trung cố gắng của mình vào những phương hướng có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề phát triển nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một nền kinh tế có cơ cấu công - nông nghiệp ngày càng hiện đại trên phạm vi cả nước. Phải góp phần làm cho nông nghiệp cung cấp một khối lượng lương thực, thực phẩm ngày càng đầy đủ hơn cho nhân dân cả nước, bao gồm nhân dân các thành thị, cả lực lượng công nhân đông đảo ngày càng phát triển. Phải làm cho nông nghiệp tạo nên một khối lượng nguyên liệu ngày càng dồi dào để phát triển các ngành công nghiệp hiện có và mở ra những ngành công nghiệp mới. Vấn đề rất quan trọng nữa là phải làm cho nông nghiệp cung cấp một khối lượng hàng hóa xuất khẩu ngày càng lớn để đổi lấy máy móc thiết bị, góp phần mở rộng nền công nghiệp của nước ta. Làm được như vậy và có làm như vậy thì mới từng bước làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở để thực hiện công nghiệp hóa nền kinh tế quốc dân.

Công cuộc xây dựng nền nông nghiệp hiện đại ở nước ta là cả một quá trình tiến hành

đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

Hiện nay, đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất, nhưng quan hệ sản xuất ở hai miền còn chưa đồng đều. Ở miền Nam, hiện nay, nền kinh tế nông nghiệp mới bắt đầu đi vào con đường làm ăn tập thể, với trình độ từ thấp đến cao. Cách mạng khoa học - kỹ thuật nhất thiết phải kết hợp với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, góp phần đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, mở đường cho cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển. Ở miền Bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập, tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới đã thể hiện rõ rệt trong sản xuất, đời sống, đã phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Cách mạng khoa học - kỹ thuật càng phải phát huy vai trò then chốt của mình, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực nhất vào việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Như vậy trên phạm vi cả nước, cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp có những mục tiêu thống nhất, những nội dung thống nhất. Tuy nhiên, phương pháp và bước đi thì ở mỗi nơi có khác, tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương. Chúng ta phải nghiên cứu cách làm cho phù hợp để cách mạng khoa học - kỹ thuật có thể phát huy tác dụng tích cực của nó. Nhưng, bất kỳ trong điều kiện cụ thể nào, cách mạng khoa học - kỹ thuật cũng nhất thiết phải kết hợp thật chặt chẽ và tiến hành đồng thời với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa. Có như vậy, cách mạng khoa học - kỹ thuật mới thực hiện được vai trò then chốt của mình, tạo nên được sức mạnh tổng hợp của ba cuộc cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn nước ta.

Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội « điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động » (1). Trên mặt trận nông nghiệp cũng vậy, trên cơ sở không ngừng củng cố hệ thống

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam — Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV. NXB Sự thật, Hà Nội 1977, tr. 18.

chuyên chính vô sản ở nông thôn, chúng ta cần nắm vững cái tiến bộ nhất của thời đại là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa sẽ sản sinh ra những con người mới xã hội chủ nghĩa, những người lao động kiểu mới trong nông nghiệp.

Dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam, người nông dân lao động Việt Nam vốn có truyền thống độc lập tự chủ, tự lập, tự cường, trong cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ chống thiên tai và địch họa. Từ lúc có Đảng, truyền thống đó đã phát huy mạnh mẽ và đã biểu hiện ở sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa xã hội. Bước vào kỷ nguyên mới, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động nước ta, trong đó có đông đảo quần chúng nông dân lao động đã tiến lên một bước mới, một bước nhảy vọt, làm chủ đất nước ở trình độ cao nhất từ trước đến nay. Đó là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là động lực mạnh mẽ nhất bảo đảm cho sự tất thắng của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cho sự tất thắng của ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật nói chung, cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông nghiệp nói riêng giữ một vai trò then chốt.

PHẦN THỨ HAI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT ĐỐI VỚI CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP

Cách mạng khoa học-kỹ thuật là một cuộc cách mạng sâu sắc và rộng lớn, tác động vào toàn bộ lực lượng sản xuất trong xã hội, phát triển và tổ chức lại lực lượng sản xuất, tạo nên những biến đổi cơ bản, đưa lực lượng sản xuất tiến lên một trình độ ngày càng hiện đại, nhằm phục vụ mục tiêu kinh tế, phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đời sống của con người.

Nước Việt Nam ta vốn là một trong những cái nôi của loài người. Trong quá trình đấu tranh lâu dài và quyết liệt chống thiên tai và địch họa, dân tộc Việt Nam ta đã sớm tiến lên từng bước làm chủ thiên nhiên, xây dựng nên một trong những nền văn minh nông nghiệp cổ xưa nhất, bền vững nhất, có sức sống mãnh liệt nhất của loài người, ở Đông Nam châu Á, trên bờ biển Thái Bình Dương.

Ở nước ta, nói đến nông nghiệp, đương nhiên không thể tách rời lâm nghiệp, ngư nghiệp bởi vì từ khi chưa có nông nghiệp thì cuộc sống của con người Việt Nam đã gắn liền với nghề rừng, với nghề cá, nghề biển. Từ khi tổ tiên của chúng ta biết làm ruộng với một kỹ thuật thâm canh ngày càng cao, thì đồng thời vẫn tiếp tục săn bắt và đánh cá. Theo quan điểm lịch sử và theo thực tiễn sản xuất xã hội mà nói, ở nước ta nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề biển luôn luôn cùng nhau tồn tại và phát triển, có quan hệ với nhau rất mật thiết.

Chế độ áp bức và bóc lột của giai cấp phong kiến, và sau này của bọn đế quốc thực dân là những trở ngại chủ yếu làm cho nền nông nghiệp lâu đời của nước ta ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ và lạc hậu. Mãi đến khi cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân lao động nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mới có điều kiện đề từng bước đưa nông nghiệp tiến lên. Trong mấy chục năm kháng chiến oanh liệt, vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhân dân ta đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giữ vững đời sống và mọi hoạt động chiến đấu trong các vùng giải phóng miền Nam. Tuy vậy, nhìn toàn cục mà nói thì nền nông nghiệp nước ta về cơ bản vẫn ở trong tình trạng một nền sản xuất nhỏ phân tán và chậm phát triển.

Bước sang giai đoạn mới, Tổ quốc ta đã độc lập và thống nhất, cả nước đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV lịch sử, cách mạng khoa học-kỹ thuật phải kết hợp với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa, phát huy tác dụng như thế nào đối với các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nhằm đưa nông nghiệp nước ta tiến lên những bước vượt bậc.

Như nghị quyết của Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng đã đề ra, trong cách mạng khoa học-kỹ thuật, chúng ta cũng « phải thể hiện tinh thần chủ động và tích cực, dựa vào nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta là lực lượng lao động, kết hợp với khai thác nhanh nhất, tốt nhất đất, rừng, biển các tài nguyên khác cùng với cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện có và sắp có ra sức phấn đấu tăng năng suất lao động, để tạo ra nhiều giá trị sử dụng theo yêu cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và cải thiện đời sống của nhân dân » (1). Như vậy, trong khi nắm vững « khâu

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

trung tâm là cơ khí hóa» (1) «thủy lợi là biện pháp quan trọng hàng đầu» (2) cách mạng khoa học—kỹ thuật cần phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình đối với con người lao động ở nông thôn, đối với đất đai, với các tập đoàn cây trồng và vật nuôi cũng tức là các tư liệu sản xuất sinh vật và các biện pháp sinh học, đối với các công cụ lao động và các tư liệu sản xuất nông nghiệp khác.

1. Cách mạng khoa học — kỹ thuật với con người lao động trong nông nghiệp.

Yếu tố cơ bản nhất «nguồn vốn dồi dào và quý nhất của chúng ta» là con người lao động với tư cách là lực lượng sản xuất. Ở nông thôn nước ta hiện nay, lực lượng lao động bao gồm không những quần chúng nông dân lao động, mà cả đội ngũ công nhân, đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật làm việc trong nông nghiệp. Lực lượng lao động ấy vừa là lực lượng sản xuất chủ yếu, vừa là người làm chủ trong nền sản xuất xã hội ở nông thôn, là sản phẩm của cả một quá trình lịch sử nói chung và của sự phát triển lực lượng sản xuất nói riêng.

Trải qua quá trình lâu dài dựng nước và giữ nước, người nông dân lao động Việt Nam đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu, xây dựng nên truyền thống độc lập tự chủ, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm, tỏ rõ những khả năng to lớn trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, cũng như trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Từ khi Đảng ta ra đời đến nay, quần chúng nông dân lao động đông đảo ở nước ta đã đi theo ngọn cờ của Đảng. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, người nông dân Việt Nam đã nêu cao và tôi luyện phẩm chất cao đẹp vốn có của mình. Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, người nông dân lao động đã đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, kỹ năng lao động ngày càng được nâng cao. Ở miền Nam, trong hoàn cảnh chiến đấu cực kỳ ác liệt, người nông dân lao động đã luôn luôn tỏ rõ ý chí kiên cường trong đấu tranh, lại có khả năng tiếp thu kỹ thuật mới khá nhạy bén, hiện nay đang từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể.

Bên cạnh những đức tính nói trên, người nông dân lao động nước ta còn có nhiều nhược điểm, còn mang nặng những tàn tích và lề thói do nền sản xuất nhỏ để lại. Những ảnh hưởng của lối làm ăn cá thể lâu đời, đầu óc tập thể theo kiểu phường hội, tác phong

tùy tiện và kỷ luật lỏng lẻo, xu hướng bảo thủ và kinh nghiệm chủ nghĩa, tri thức văn hóa và khoa học—kỹ thuật còn kém v.v... những nhược điểm đó hiện đang là những trở ngại cần được khắc phục trên con đường trở thành người làm chủ thực sự của một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cơ cấu công—nông nghiệp hiện đại ở nước ta.

Bước vào giai đoạn mới, cách mạng khoa học—kỹ thuật có nhiệm vụ lớn lao là cùng với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình đối với người nông dân lao động và người công nhân trong nông nghiệp, theo phương hướng phù hợp nhất với yêu cầu của công cuộc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước hết, cần ra sức phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và yêu lao động của nông dân ta. Trên cơ sở đó, cần nâng cao từng bước trình độ văn hóa, khoa học—kỹ thuật, nâng cao kỹ năng lao động, làm cho lực lượng lao động ở nông thôn nước ta ngày càng có chất lượng cao hơn về mọi mặt, trở thành một lực lượng lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Ở đây, cần nhấn mạnh sự cần thiết phải phát huy đến cao độ tinh thần tự lực, tự cường của con người làm chủ sản xuất, làm chủ xã hội. Phát huy truyền thống chiến đấu kiên cường, trí thông minh và sáng tạo của người nông dân Việt Nam, một lòng đi theo đường lối của Đảng, không ngại khó khăn gian khổ, luôn luôn tin tưởng tiến lên phía trước, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, chúng ta tin tưởng rằng, nhân dân lao động ở nông thôn nước ta nhất định sẽ cùng giai cấp công nhân và nhân dân ta trong cả nước, ra sức phấn đấu, lao động quên mình, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trên mặt trận đấu tranh cách mạng nhằm xóa bỏ áp bức bóc lột, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, góp phần mang lại ấm no hạnh phúc, xây dựng nông thôn mới, xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân, cho cả bản thân mình.

Khi nói đến nền nông nghiệp lâu đời của nước ta, chúng ta cũng đã nói lên những kinh nghiệm phong phú và quý giá của người nông dân nước ta. «Nước, phân, cần, giống», «nhất thì, nhì thục», «một hòn đất nở là một giỏ phân» là những kinh nghiệm đã được tổng kết và ngày nay vẫn giữ hoàn toàn giá trị thực tiễn của nó. Mấy chục năm lại đây,

(1) Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV.

(2) Nghị quyết Trung ương lần thứ năm khóa III.

những kinh nghiệm ấy lại được nâng cao một bước, kết hợp với những tri thức khoa học và kỹ thuật hiện đại ngày càng được vận dụng vào trong sản xuất nông nghiệp. Cũng phải nói rằng, kinh nghiệm canh tác cũng như tri thức khoa học của người nông dân lao động đã phát triển không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ khác nhau của đất nước. Ở đồng bằng sông Hồng, thì trình độ thâm canh và kỹ thuật canh tác phát triển tương đối cao; trong lúc đó, ở đồng bằng sông Cửu Long, do thiên nhiên ưu đãi, hoặc do những điều kiện cụ thể về kinh tế và xã hội, nên trình độ thâm canh phát triển chậm. Ở miền núi, kỹ năng của người nông dân lao động ở các vùng thấp và ở trên rẻo cao cũng rất khác nhau. Ở Tây Nguyên, đất đai phì nhiêu như vậy, thiên nhiên hào phóng như vậy, nhưng đời sống của đồng bào các dân tộc ít người còn rất khổ cực, kỹ thuật canh tác còn đang ở trình độ thô sơ.

Để đáp ứng yêu cầu của một nền sản xuất nông nghiệp ngày càng hiện đại, cách mạng khoa học — kỹ thuật cần tìm mọi biện pháp đưa tri thức văn hóa và kiến thức khoa

học — kỹ thuật vào lực lượng lao động đông đảo trong nông nghiệp; người nông dân tập thể, người công nhân trong nông nghiệp phải được bồi dưỡng từng bước để nắm được những quy luật của sản xuất nông nghiệp, những quy luật của đất đai, thời tiết, cây trồng, vật nuôi v.v... trong từng vùng lãnh thổ của nước ta; nắm được kỹ thuật canh tác với việc sử dụng công cụ lao động từ thô sơ đến hiện đại ngày càng thành thạo. Như vậy người nông dân lao động, người công nhân trong nông nghiệp sẽ từng bước nắm được quy luật tự nhiên kết hợp với quy luật của xã hội, biết hành động theo đúng quy luật, biết đưa những tiến bộ khoa học — kỹ thuật mới nhất vào sản xuất; xây dựng được lối làm ăn của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và nhất định sẽ làm ra được một khối lượng của cải vật chất ngày càng lớn.

Nếu phân công lao động là thước đo trình độ phát triển của nền kinh tế xã hội trong một nước thì tình hình phân công lao động ở nước ta hiện nay như thế nào? Lao động ở nông thôn hiện chiếm gần 80% toàn bộ lực lượng lao động cả nước, trong đó lao động



Trạm nghiên cứu lâm sinh Quảng Ninh nghiên cứu lại ghép thông để tạo giống có sản lượng cao.

Ảnh : HÀ VIỆT (TTXVN)

nông nghiệp chiếm 78%, lâm nghiệp có khoảng 2,5%, ngư nghiệp chỉ có 2,3%, tiểu thủ công nghiệp mới có 5%. Trong lao động nông nghiệp thì trồng trọt chiếm 66,5%, chăn nuôi chỉ có 4,5%. Đây là những con số tròn, chỉ biểu hiện một sự chính xác tương đối. Tình hình phân công lao động như vậy, rõ ràng phản ánh trình độ phát triển còn thấp của nền kinh tế nông nghiệp ở nước ta.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp toàn diện, đi đôi với lâm nghiệp và ngư nghiệp, với những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp ngày càng hiện đại, trên địa bàn huyện, cách mạng khoa học - kỹ thuật cần phải phát huy tác dụng như thế nào trong lĩnh vực này? Khoa học - kỹ thuật cần đi trước một bước, kết hợp với khoa học xã hội, điều tra và nghiên cứu, từng bước xác định những phương hướng và khả năng phát triển của nền kinh tế xã hội ở mỗi địa phương, mỗi vùng lãnh thổ cũng như trong cả nước. Trên cơ sở đó mà từng bước đề xuất và xác định phương hướng phát triển của cơ cấu ngành nghề hợp lý nhất, thúc đẩy sự phân công lại lao động ở nông thôn, ngày càng đi vào chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng năng suất lao động. Hiện nay, theo Nghị quyết của Trung ương, các địa phương đều đang xúc tiến công việc quan trọng này: khoa học kỹ thuật cần góp phần của mình tích cực hơn nữa. Có như vậy mới tạo nên những biến chuyển nhanh chóng hơn trong việc phân công ngành, nghề, làm cho trọng nông nghiệp tỷ lệ lao động chăn nuôi tăng lên mạnh mẽ hơn nữa so với lao động trồng trọt, nói rộng hơn nữa làm cho tỷ lệ lao động các ngành thủ công nghiệp và công nghiệp ở nông thôn phải tăng lên mạnh mẽ. Đồng thời tăng thêm lao động vào các ngành lâm nghiệp và ngư nghiệp làm cho 3 ngành nông, lâm, ngư nghiệp phát triển cân đối, phát huy được các thế mạnh của nền kinh tế nước ta. Đó là quy luật và xu thế phát triển về phân công lao động, phân công ngành nghề ở nước ta trong một thời gian tương đối dài. Còn trước mắt, đi đôi với sự giảm bớt tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng thêm tỷ lệ lao động thủ công nghiệp và công nghiệp trong từng vùng lãnh thổ, từng địa phương, chúng ta phải thấy rằng, hiện nay lực lượng lao động được đưa vào lĩnh vực nông nghiệp trên phạm vi cả nước vẫn còn có xu hướng tăng thêm do yêu cầu mở mang những vùng kinh tế mới.

Chúng ta đã đề cập đến một vấn đề rất lớn là vấn đề phân bố lại lực lượng lao động trên phạm vi cả nước, trước hết là trong nông nghiệp, lâm nghiệp, và ngư nghiệp nhằm tạo nên một cơ cấu kinh tế hợp lý hơn. Đây là một vấn đề cực kỳ bức thiết; bởi vì

do nhiều nguyên nhân về kinh tế và xã hội. Hiện nay, ở những vùng châu thổ giàu có của nước ta, với một diện tích chỉ có khoảng 13% mà số dân lại sống tập trung trên 40% của cả nước, có nơi mật độ lên đến 1000 người/km². Còn ở các vùng núi và vùng cao nguyên, tiềm năng về đất đai và tài nguyên còn rất lớn, thì dân số lại rất thưa thớt, mật độ chỉ khoảng 25 - 50 người/km², thậm chí có nơi còn ít hơn nhiều. Ở các vùng ven biển, tiềm năng kinh tế rất to lớn và hiện mới khai thác bước đầu, nhưng tỷ lệ dân số cũng rất thấp. Có người nói chúng ta phần nào đang sống quay lưng lại với biển cả; câu nói đó không có gì là quá đáng. Đảng ta hiện đang thực hiện chủ trương phân bổ lại lực lượng lao động trên quy mô lớn, mở mang những vùng kinh tế mới, kể cả việc đưa một bộ phận dân cư bị dồn về các đô thị trong chiến tranh trở về làm ăn ở nông thôn.

Khoa học - kỹ thuật cần kết hợp với khoa học xã hội xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa công tác điều tra, nghiên cứu các vùng đất đai và tài nguyên giàu có ở miền núi, miền cao nguyên và miền biển, nhằm đề ra những căn cứ khoa học và kỹ thuật phục vụ công cuộc mở mang và xây dựng những vùng kinh tế mới, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu củng cố quốc phòng. Đây không chỉ là vấn đề điều tra, nghiên cứu điều kiện thiên nhiên, xác định phương hướng sản xuất, mà còn là vấn đề điều tra tình hình dân cư, tình hình xã hội, vấn đề tổ chức lực lượng lao động, vấn đề quan hệ sản xuất. Lực lượng lao động được đưa đi các vùng kinh tế mới về chất lượng mọi mặt, về tỷ lệ ngành nghề, về hình thức tổ chức nên như thế nào để phát huy được khả năng lớn nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất và ổn định đời sống tốt nhất. Vấn đề này lại có liên quan mật thiết đến lực lượng lao động ở lại địa phương, đến chất lượng, tỷ lệ ngành nghề, tỷ lệ nam, nữ, v... của lực lượng ấy, để vừa đáp ứng tốt nhất yêu cầu đưa dân đi lập quê hương mới, vừa bảo đảm tốt nhất yêu cầu về kinh tế và xã hội, trên hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, với năng suất lao động ngày càng cao, đời sống ngày càng cải thiện. Nhiệm vụ của khoa học - kỹ thuật, rõ ràng là hết sức nặng nề đối với công cuộc phân bổ lại lực lượng lao động nói trên.

Tôi muốn nói đến một vấn đề mà Đảng ta đang hết sức quan tâm. Đó là vấn đề lực lượng lao động trong các vùng đồng bào dân tộc ít người. Hiện nay, trên nhiều vùng ở miền núi và cao nguyên nước ta, có trên 60 dân tộc ít người, số dân có khoảng 5 triệu người. Đồng bào dân tộc ít người ở nước ta

ón giàu tinh thần yêu nước, đã có cống hiến cực kỳ to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta. Chúng ta đều biết nhiều vùng dân tộc ít người có lịch sử chiến đấu rất vẻ vang, là những căn cứ địa cách mạng quan trọng. Hiện nay, có những địa phương, trình độ văn hóa cũng như trình độ kỹ thuật canh tác của đồng bào còn rất thấp, đời sống còn nhiều khó khăn. Chính vì vậy mà trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung cũng như trong việc mở mang nông nghiệp, lâm nghiệp nói riêng, chúng ta cần có quyết tâm thực hiện đúng chính sách của Đảng đối với các dân tộc ít người, tăng cường đoàn kết, thực hiện bình đẳng cả về chính trị và về kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Nhiều địa phương đã có cố gắng lớn, nhưng chúng ta chưa thể thỏa mãn với những cố gắng đó. Ở đây, tôi muốn nói lên nhiệm vụ của cách mạng khoa học—kỹ thuật, của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đối với vấn đề thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Chúng ta cần có chủ trương rõ ràng, kế hoạch cụ thể, biện pháp thích hợp, kết hợp với việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị mà nâng cao nhanh chóng, vượt bậc, trình độ văn hóa và kiến thức khoa học kỹ thuật của đồng bào dân tộc ít người. Chúng ta phải làm sao cho những người nông dân lao động, những người thợ thủ công và công nhân thuộc các dân tộc ít người tiến lên nhanh chóng, tiến kịp đồng bào miền xuôi. Vấn đề này càng trở nên bức thiết trong khi chúng ta đang mở mang nhiều vùng kinh tế mới với trình độ kỹ thuật hiện đại ở các vùng miền núi và cao nguyên.

Rõ ràng, con người lao động trong nông nghiệp—bao gồm cả người nông dân xã viên, người công nhân trong nông nghiệp, đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật đang ngày càng tăng thêm—là yếu tố cơ bản nhất của lực lượng sản xuất trong nền nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp của nước ta. Đó là vì lực lượng lao động ấy, với tính cách là một lực lượng sản xuất, tác động vào nền sản xuất nông nghiệp như một « lực lượng tự nhiên » có khả năng to lớn cải tạo thiên nhiên, sáng tạo ra của cải vật chất. Quan trọng hơn thế nữa, đó là vì lực lượng lao động ấy chính là người làm chủ nền sản xuất xã hội, làm chủ cả sức lao động của bản thân mình, có nhiệm vụ tổ chức lại các yếu tố cơ bản của sản xuất, quản lý nền sản xuất kinh tế xã hội trong nông nghiệp, đưa sản xuất nông nghiệp nước ta tiến lên những bước mới. Vì vậy khi nói rằng nhiệm vụ của cách mạng khoa học—kỹ thuật là làm biến đổi sâu sắc lực lượng sản xuất thì nhiệm vụ chủ yếu, phương hướng chủ yếu, có ý nghĩa quyết định, là kết hợp

với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa làm biến đổi sâu sắc nhất chất lượng của con người lao động làm cho lực lượng ấy không ngừng phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không ngừng nâng cao trình độ làm chủ, kể cả về kỹ thuật và về tổ chức, đóng vai trò chủ động, tự giác và sáng tạo trong công cuộc đưa nền sản xuất nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày càng hiện đại.

II. Cách mạng khoa học—kỹ thuật với đất đai

Bây giờ tôi nói đến một yếu tố cơ bản khác của lực lượng sản xuất, một tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp, đó là đất đai. Như Mác đã từng nói : « Đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng bậc nhất và nếu không kể con người lao động thì đó là tư liệu sản xuất đặc biệt ». Theo nghĩa rộng, đất đai bao gồm cả nước, các tập đoàn sinh vật sống trên mặt đất và các của cải ẩn náu trong lòng đất. Người ta đã tổng kết khoảng 75 đến 80% của cải vật chất trong xã hội là lấy từ đất mà ra. Không có đất đai thì không có chỗ đứng để tiến hành sản xuất xã hội, không có, không gian cần thiết để phát triển nông nghiệp. Do đó không có đất thì không có rất nhiều thứ. Hiện nay, đã có ai suy nghĩ ra vật gì để thay thế hẳn cho đất hay chưa ? Chưa có, và sau này cũng sẽ không có, cho nên đất là một tư liệu sản xuất không thể thay thế.

Đất đai nước ta về diện tích tự nhiên có 32,8 triệu hécta, nằm trong vành đai nhiệt đới ẩm, có gió mùa. Ở phía đông lại có vùng biển với thêm lục địa rộng lớn. Về mặt thổ nhưỡng, theo kết quả điều tra cho đến nay, có khoảng 30 loại đất, phân bố trên 50 vùng địa lý thổ nhưỡng và hiện nay chúng ta đã phân ra 7 vùng kinh tế lớn. Chúng ta có những vùng châu thổ lớn, nhỏ từ Bắc đến Nam, trong đó có những châu thổ nổi tiếng giàu có ở châu Á, như đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long. Chúng ta có những vùng rừng núi trùng điệp với những thảm thực vật rất phong phú và chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn chưa được khai thác hay mới khai thác bước đầu. Chúng ta có những vùng cao nguyên rộng lớn, đặc biệt là Tây Nguyên, ở đó còn nhiều khả năng mở rộng diện tích canh tác, nhất là để phát triển các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi quy mô lớn, có tiềm năng to lớn về nông sản nhiệt đới.

Điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có gió mùa, mang lại cho đất đai nước ta nhiều thuận lợi lớn, như quanh năm nhận được

lượng rất lớn của mặt trời, với một lượng mưa khá lớn, do đó mà màu xanh bao phủ quanh năm, sinh vật sinh sôi nảy nở nhanh chóng và đa dạng. Nhờ có bức xạ mặt trời và độ ẩm như vậy, cho nên ruộng đồng mỗi năm làm được từ 2 đến 3 vụ, rừng nhiệt đới tăng trưởng nhanh và thường có nhiều tầng. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới cũng gây cho ta những khó khăn khắc nghiệt không phải là ít, như nạn lũ lụt, nạn xói mòn... Thông thường ở những vùng trơ trọi chỉ qua một trận mưa lớn là có thể cuốn trôi cả lớp đất dày đòi hỏi hàng chục năm, thậm chí hàng trăm năm mới hình thành được.

Trên giải đất đai với đặc điểm như vậy của Tổ quốc, trong quá trình phát triển nông nghiệp, con người Việt Nam đã làm chủ đất đai và tác động lên đất đai như thế nào?

Nhìn chung, với biết bao công sức từ thế hệ này qua thế hệ khác, nhân dân lao động nước ta đã tạo nên những vùng thâm canh trù phú, đặc biệt là ở các vùng châu thổ phì nhiêu. Ở đây người nông dân Việt Nam đấu tranh với thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, đắp đê chống lụt, ngăn mặn, lấn biển, mở mang diện tích, làm ra một khối lượng của cải ngày càng lớn. Tuy nhiên, phải nói rằng 3/4 đất liền còn lại là miền đồi núi vẫn chưa được khai thác bao nhiêu. Phương thức làm ăn du canh, du cư, tệ nạn phá rừng đã gây nên nhiều hậu quả tiêu cực cho đất đai và tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Chính trên giải đất đai nói trên, trên đất liền và trên miền biển, thiên nhiên đã nuôi dưỡng dân tộc ta, tồn tại và phát triển qua mấy nghìn năm lịch sử cho đến ngày nay. Cũng chính trên giải đất đai đó, hiện nay nhân dân lao động nước ta đang tiến hành cuộc cách mạng sâu rộng nhất trong lịch sử của dân tộc, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát triển nền nông nghiệp nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thế thì, một vấn đề cực kỳ quan trọng là đối với đất đai, đất liền và vùng biển, cách mạng khoa học-kỹ thuật phải phát huy tác dụng tích cực và sáng tạo của mình như thế nào? Cách mạng khoa học-kỹ thuật có nhiệm vụ rất lớn là đi sâu điều tra, nghiên cứu tìm hiểu quy luật của các quá trình diễn biến của đất đai, đất liền và vùng biển. Trên cơ sở đó, chúng ta phải đề ra cho được những biện pháp khoa học và kỹ thuật cần thiết nhằm sử dụng, cải tạo tốt hơn nữa, bồi dưỡng tốt hơn nữa, làm cho đất đai của chúng ta nói chung ngày càng trở nên màu mỡ và mãi mãi là nguồn cung cấp của cải vô tận cho dân ta.

Một vấn đề hết sức quan trọng đòi hỏi khoa học phải trả lời là: nói chung dưới bàn tay lao

động của con người, quy luật diễn biến của đất đai là ngày càng thoái hóa hay ngược lại có thể trở nên ngày càng màu mỡ? Dưới chế độ phong kiến và chế độ tư bản, mỗi một bước phát triển của nông nghiệp là một bước tiến mới trong nghệ thuật bóc lột người dân lao động và cũng là một bước tiến mới làm cho đất đai kiệt quệ, hao mòn. Dựa vào thực tiễn đó, nhiều nhà khoa học của chủ nghĩa tư bản đã từng đề ra cái gọi là quy luật tất yếu ngày càng giảm bớt màu mỡ của đất đai. Lần đầu tiên, chính Mác là người đã bác bỏ luận điểm sai trái đó. Đất đai vừa là một phạm trù tự nhiên vừa là một phạm trù xã hội. Đất là sản phẩm của bản thân tự nhiên, là điều kiện tự nhiên của lao động. Nhưng, chỉ khi có tác động của con người với tư cách là lực lượng sản xuất, đồng thời với tư cách là người làm chủ từ thấp đến cao qua các thời kỳ lịch sử khác nhau từ tự phát đến tự giác, thì đất đai mới trở thành tư liệu sản xuất. Cũng vì vậy, tùy theo phương hướng tác động của người lao động, đất đai có thể tiến hóa theo quy luật ngày càng nghèo đi, hoặc ngược lại theo quy luật ngày càng trở nên màu mỡ. Đó là một điều rất cơ bản có liên quan mật thiết đến bản chất của từng chế độ xã hội.

Hiện nay, nhân dân ta đã bước vào giai đoạn mới cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có điều kiện đề đầu tư khoa học và kỹ thuật, làm cho sự hiểu biết của chúng ta về đất liền và vùng biển, hiện còn đơn giản và nông cạn, ngày càng có cơ sở khoa học, giúp cho chúng ta ngày càng đi sâu nắm được các quy luật diễn biến của đất đai trong cả nước, cũng như trong từng vùng lãnh thổ. Trên cơ sở khoa học ấy, chúng ta cần đề ra cho được phương hướng tác động cụ thể và có hiệu lực để làm cho đất đai ngày càng màu mỡ trở thành hiện thực, không những trên từng địa phương mà trên toàn bộ lãnh thổ của chúng ta, kể cả trên hàng triệu héc-ta hiện đang ở trên xu thế thoái hóa. Điều đó có ý nghĩa quyết định đối với tương lai của nền nông nghiệp nước ta. Không những thế, về lâu dài mà nói, điều đó có ý nghĩa quyết định đối với tiền đồ hưng thịnh của dân tộc. Sinh ra trong một nước có diện tích rộng lớn, đất đai không phải thiếu, nhưng vì lo nghĩ đến lợi ích của cả loài người, nên Lê-nin đã từng nói: «Hãy giữ gìn và bảo vệ đất như con người của mắt mình».

Về vấn đề sử dụng đất đai, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã đề ra: «Thâm canh, tăng vụ, và bảo vệ, bồi dưỡng, cải tạo đất trên toàn bộ diện tích canh tác». Thật vậy, hiện ở hầu hết các nước, nông nghiệp đều đi vào thâm canh.

Đối với chúng ta, về diện tích nói chung, nước ta không phải là một nước nhỏ. Tuy nhiên, với dân số 50 triệu hiện nay và sắp tới, còn tăng thêm thì bình quân đất đai tự nhiên của mỗi người không phải là nhiều. Vì vậy, đối với nông nghiệp nước ta, thâm canh rõ ràng là một quy luật tất yếu. Chúng ta đã có những tỉnh năng suất lúa đạt 6 tấn trên 1 hécta, những huyện đạt 8 đến 9 tấn, những hợp tác xã đạt 10 tấn trên 1 hécta. Khoa học, kỹ thuật cần đi sâu xác định những cơ sở và biện pháp khoa học - kỹ thuật để mở rộng diện tích thâm canh và tăng vụ, nhằm tăng hơn nữa năng suất của đất, cũng như hiệu quả kinh tế của nông nghiệp. Khoa học, kỹ thuật cần đi sâu nghiên cứu những điển hình tốt về cải tạo và bồi dưỡng đất đai. Thí dụ như hợp tác xã Vũ Thắng đã dùng hàng triệu ngày công đưa đất phù sa từ ven sông Hồng về, kết hợp với các biện pháp kỹ thuật khác, làm cho đất của một vùng trũng chua mặn trở thành màu mỡ hẳn lên. Lại như các điển hình liên tiếp cải tạo thành công đất bạc màu ở vùng trung du Bắc Bộ tạo nên biến chuyển lớn về độ màu mỡ, đưa lại năng suất 8 tấn trên một hécta...

Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh thêm sự cần thiết phải tiết kiệm đất đai, nhất là đất trồng trọt, chấm dứt mọi sự lãng phí đất đai. Trong lúc phải bỏ ra biết bao công sức mới khai hoang chưa được 20 vạn hécta, thì hiện nay ở ngay một số tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ đã có đến 8 vạn hécta đất thuộc bị bỏ hóa. Chúng ta cũng đã sử dụng hàng chục vạn hécta đất tốt vùng đồng bằng để xây dựng cơ bản; vấn đề này cần được quy định chặt chẽ hơn nữa. Các nương máng, các hệ thống thủy lợi hiện nay cũng đã chiếm đến 10% đất đai. Làm thủy lợi là rất cần thiết, nhưng ngay bây giờ cũng nên nghĩ tới và làm thí nghiệm những hệ thống thủy lợi bằng ống ngầm hay máng nổi để tiết kiệm đất hơn. Chúng ta phải biết quý từng tấc đất, vì làm ra và gìn giữ mỗi tấc đất tươi tốt như ngày nay đòi hỏi phải mất biết bao mồ hôi, công sức và xương máu. Chính vì vậy mà nhân dân ta đã tổng kết một cách hết sức sâu sắc: « Tấc đất là tấc vàng ».

Tôi nói đến một vấn đề rất quan trọng là mở mang đất đai nông nghiệp, khai hoang để mở rộng diện tích, xây dựng những vùng kinh tế mới. Chúng ta cần khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn và sáng suốt nhằm kết hợp đất đai với lao động, phát huy những tiềm năng to lớn của đất nước, làm ra của cải vật chất ngày càng nhiều. Cần nhấn mạnh rằng, muốn đạt đến mục đích ấy thì khai hoang nhất thiết phải đi đôi với bảo vệ và

cải tạo đất, làm cho đất đai không những trước mắt cho thêm sản phẩm, mà về lâu dài càng ngày càng trở nên màu mỡ. Khai hoang đến đâu phải đưa vào sản xuất, phải thực hiện thâm canh đến đấy. Hiện nay ở nhiều địa phương có phong trào khai hoang, mở rộng diện tích để trồng màu. Có tỉnh như Bình Trị Thiên đã đưa tỷ lệ trồng màu lên đến 40% và sắp tới có thể cao hơn nữa, nhờ vậy không những đã giải quyết được vấn đề lương thực mà lại giữ vững và phát triển được chăn nuôi.

Tôi lên thăm huyện Đắc Tô, thuộc tỉnh Gia Lai - Kông Tum, đồng bào ở đây rất phấn khởi vì nhờ vỡ hoang trồng sản mà năm nay đồng bào các dân tộc không thiếu ăn vào lúc giáp hạt, một điều chưa từng có từ trước đến nay. Tuy nhiên, đi sâu vào tìm hiểu biện pháp mở rộng diện tích thì chưa có nơi nào thực hiện thâm canh cả. Nếu cứ tiếp tục khai hoang trồng sản theo kiểu ấy thì chỉ vài ba năm sau đất đai sẽ bị nghèo kiệt. Cần tiếp tục trồng sản nhiều hơn nữa ở những nơi thích hợp, nhưng nhất thiết phải đi vào thâm canh. Không nên thỏa mãn với những kết quả trước mắt mà phải biết nhìn lâu dài và toàn diện. Nếu chúng ta làm ăn không theo đúng quy luật của thiên nhiên, thì như Ăng-ghe-nh đã từng nói: Thiên nhiên sẽ trả thù những hành động khinh suất của chúng ta.

Nói đến vấn đề mở mang những vùng kinh tế mới trên quy mô lớn, thì càng phải đầu tư khoa học và kỹ thuật, điều tra, nghiên cứu rất nghiêm túc để xây dựng những quy hoạch tổng thể có chất lượng. Khoa học và kỹ thuật không những phải xác định đúng đắn phương hướng sản xuất mà còn phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp và vấn đề nước. Vì đây là vấn đề rất cơ bản, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc giữ gìn, cải tạo và làm giàu đất đai, ngăn chặn mọi khả năng thoái hóa, tạo nên cơ sở vững chắc để bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng thành công các vùng kinh tế mới rộng lớn của chúng ta. Nghị quyết của Đảng đề ra chỉ tiêu mở mang hàng triệu hécta, về lâu dài phải đưa diện tích đất nông nghiệp từ 5 triệu hécta hiện nay lên đến 10 - 11 triệu hécta. Nhiệm vụ ấy đặt ra yêu cầu cực kỳ quan trọng cho khoa học trong vấn đề điều tra và nghiên cứu đất đai. Yêu cầu đó càng trở nên bức thiết hơn nữa, bởi vì, phần lớn những vùng sẽ mở ra là những địa bàn đất đai hiện nay còn tốt, nhưng rất dễ bị xói mòn, thoái hóa nếu không có những biện pháp kỹ thuật nghiêm cách và đúng đắn.

Đất đai bao gồm cả nước. Cho nên nói đến đất, không thể không nói đến nước, đến rừng, ở nước ta thì đồng thời không thể không nói đến biển. Là vì có đất, lại phải có nước, mới

có sự sống, mới có nông nghiệp. Rừng lại là một điều kiện thiên nhiên có mối liên hệ rất mật thiết với trữ lượng nước. Nước ta lại nằm trên bờ biển Thái Bình Dương. Cho nên, đất, nước, rừng, biển đều có mối liên hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Có thể nói rằng, rừng và biển có tầm quan trọng rất to lớn không những về mặt tiềm năng các sản phẩm quý giá có thể cung cấp cho xã hội, mà còn về vai trò giữ gìn môi trường và cân bằng sinh thái tốt nhất đối với toàn bộ đất đai nước ta, đối với việc phát triển các ngành kinh tế quốc dân trong cả nước.

Nghị quyết của Đảng rất coi trọng vấn đề nước khi đề ra nhiệm vụ phát triển vượt bậc nông nghiệp. Để làm thủy lợi, chúng ta đã điều tra một bước trữ lượng ở lưu vực nhiều con sông lớn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là đây mạnh công tác điều tra, nghiên cứu sâu hơn nữa, bao quát hơn nữa để đánh giá không những tổng lượng nước mưa trút xuống nước ta hàng năm, mà quan trọng hơn là đánh giá tổng trữ lượng nước trong từng vùng lãnh thổ và trên phạm vi toàn quốc, kể cả nước trên mặt đất và nước ngầm trong lòng đất, đi đến tìm hiểu quy luật diễn biến của nước đang theo chiều hướng tăng thêm hay giảm bớt đi. Chính đó là cơ sở cho một chính sách về nước, cho chế độ sử dụng nước, không những để phục vụ nông nghiệp, mà còn để phục vụ công nghiệp, phục vụ mọi hoạt động kinh tế và đời sống của xã hội, trước mắt và lâu dài về sau.

Ở nước ta, đất liền tiếp giáp với vùng biển trên một chiều dài khoảng 3.200 km. Vì vậy, khi nói đến các nguồn nước ngọt thì không thể không nói đến các quy luật của thủy triều của nước biển, đến sự tác động qua lại giữa nước ngọt và nước mặn, đến khả năng đầy lùi nước mặn, cũng như ngăn chặn sự thâm nhập của nước mặn vào đất liền. Những hiện tượng nước mặn xâm nhập vào đất liền sâu hơn trước ở một số nơi cần được theo dõi và nghiên cứu. Vấn đề nước là quan trọng như vậy, cho nên, chỉ có trên cơ sở những hiểu biết tương đối toàn diện và chính xác về các nguồn nước, chúng ta mới có thể sử dụng nước một cách khoa học và có hiệu quả, làm cho nước ta mãi mãi có những tiềm năng to lớn về nước, làm cho nước thực sự và mãi mãi là tài nguyên phong phú của ta. Đồng thời, vì ở bên cạnh biển, cho nên chúng ta từ bây giờ cần chú ý tới khả năng lọc ra nước ngọt từ nước biển. Tuy vấn đề này đối với chúng ta hiện nay chưa phải là cấp thiết lắm; nhưng cần phải thấy trước rằng cùng với nhịp độ và quy mô phát triển của các ngành kinh tế quốc dân, kể cả công nghiệp, thì nhu cầu về nước ngọt ngày càng tăng lên gấp bội. Cũng vì vậy, mà trên thế giới hiện nay, lọc nước ngọt từ nước

biển là một phương hướng lớn của khoa học. Và cũng đã có nước xây dựng cả một thành phố trên bờ biển, ở đó mọi nhu cầu về nước ngọt đều được giải quyết bằng nước biển lọc ra.

Tôi muốn nói đến một vấn đề quan trọng và cấp thiết khác mà các Nghị quyết của Đảng đều nói đến là vấn đề «trồng rừng, tu bổ bảo vệ rừng và khai thác rừng». Rừng từ xa xưa đã bao phủ phần lớn đất đai của nước ta. Rừng nhiệt đới của nước ta có nhiều tầng, nhịp độ tăng trưởng khá nhanh, không những là một nguồn của cải to lớn về gỗ quý, về các loại thực vật khác, về động vật hoang dại, về các đặc sản nhiệt đới, mà còn là một điều kiện không thể thiếu và không có gì thay thế để bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và giữ gìn độ màu mỡ cho đất đai như trên đã nói. Tuy vậy, phần nào do yêu cầu làm ăn của ta ở vùng núi, phần nào do thiếu ý thức về tầm quan trọng của rừng, cho nên nạn phá rừng kéo dài từ lâu, đến nay vẫn chưa chấm dứt. Trong những năm chiến tranh, đế quốc Mỹ lại dùng chất độc phá hoại hàng triệu hecta rừng quý của ta, nhất là trong các vùng căn cứ kháng chiến và dọc các con đường chiến lược. Trong công tác khai hoang vừa qua, có nơi đã không tuân thủ những quy định về bảo vệ rừng, giữ gìn những giải rừng cần thiết. Do đó, mà diện tích rừng còn lại đã bị thu hẹp nhiều và hiện đang tiếp tục bị thu hẹp, đến một giới hạn không thể chấp nhận. Vì vậy; khoa học và kỹ thuật phải đi sâu xác định tầm quan trọng và quy luật sinh trưởng, của từng loại rừng, đề ra cho được những biện pháp khai thác vừa có hiệu quả kinh tế, vừa bảo đảm cho sự tái sinh của rừng. Một vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay là phải bằng mọi cách chấm dứt hẳn những hành động phá rừng, phải tôn trọng triệt để pháp chế bảo vệ rừng. Trước hết là phải bảo vệ những khu rừng đầu nguồn, những rừng gỗ quý ở Việt Bắc và miền Trung, ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Rừng khớp không nên phá, vì làm như vậy càng làm cho đất đai ở đó thoái hóa càng nhanh hơn. Rừng sù vẹt, rừng sặt, rừng đước, rừng tràm v.v... đều cần được bảo vệ, không những để làm giảm sự thâm nhập của nước mặn, mà còn để phát huy tác dụng giữ lại phù sa, thúc đẩy quá trình lấn biển, đồng thời tạo nên môi trường sinh thái cho nhiều nguồn lợi rất lớn về hải sản.

+ Vấn đề phủ xanh hàng triệu héc ta đồi trọc, trồng lại rừng trên quy mô lớn, là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách đòi hỏi các cơ quan kinh tế, khoa học và kỹ thuật phải tập trung giải quyết. Đừng về khả năng của ngành lâm nghiệp hiện nay mà nói thì ch.

tiêu trồng lại 1,2 triệu héc-ta được coi là một chỉ tiêu tương đối cao. Nhưng, đứng về yêu cầu nhanh chóng chấm dứt quá trình thoái hóa của đất đai, nhanh chóng làm cho hàng triệu héc-ta khôi phục trở lại độ màu mỡ, thì chỉ tiêu đó rõ ràng là còn quá thấp. Khi nói rằng đất đai là một tư liệu sản xuất đặc biệt hết sức quý giá, chúng ta muốn nói đến cả từng tấc đất trên các đồi trọc. Đất đai trong chừng mực nào đó là một vật thể sống; tuy không mất đi hẳn, không phải thay thế cái mới như các máy móc trong công nghiệp sau một thời gian sử dụng, nhưng đất đai có quy luật diễn biến của nó, có thể thoái hóa đến mức độ không còn là một tư liệu sản xuất nữa. Vì vậy, chúng ta cần có ý thức đầy đủ đối với nhiệm vụ phủ xanh trở lại các đồi trọc, làm cho đất đai ở đây ngày càng tăng thêm tiềm năng đối với hoạt động sản xuất. Cần đầu tư khoa học và kỹ thuật tập trung hơn nữa, kiên quyết và bền bỉ hơn nữa, đề xuất cho được những biện pháp tích cực nhất, sáng tạo nhất để hoàn thành kỳ được và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu đã đặt ra, tạo nên những thảm xanh thực vật mới. Tôi thấy, chúng ta hoàn toàn có khả năng làm được việc đó. Và chúng ta phải quyết tâm cho được.

Chúng ta không thể không nghĩ tới vấn đề tạo nên thảm xanh thực vật phong phú và đa dạng, với nhiều đặc sản trên khoảng gần 60 vạn héc-ta đất cát chạy dài dọc ven biển của nước ta. Điều đó ngày nay đang trở thành hiện thực. Cát không những là nguyên liệu cho công nghiệp, mà còn là một loại đất đai có thể phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp. Chúng ta đã thành công trong việc phát triển các rừng phi lao ở ven biển, vừa chắn gió, vừa cho gỗ, lại làm đẹp thêm phong cảnh các bãi biển. Nhưng có phải chỉ cây phi lao mới thích hợp với đất cát hay không? Cây dừa, một số cây lương thực, thực phẩm, các loại hành, tỏi, hương lau v.v... trồng ở vùng đất cát hiện nay cũng đã đưa đến hiệu quả kinh tế khá cao. Trên các bãi cát dọc ven biển đã có một số làng mạc, với cây cối xanh tươi; chúng ta cần đầu tư khoa học kỹ thuật, tìm hiểu những khả năng tự nhiên và kinh tế của đất cát, phát hiện những khả năng mới, kết hợp ở đây nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp để đưa dân ra ven biển, thực hiện một hướng quan trọng về phân bố lại lao động, góp phần xây dựng nền kinh tế miền biển ngày càng giàu có, kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Vấn đề xâm nhập giữa lâm nghiệp với nông nghiệp, ngư nghiệp là một chủ trương rất đúng đắn mà cán bộ khoa học-kỹ thuật của chúng ta phải quán triệt và thực hiện với

tinh thần tích cực sáng tạo. Cần xúc tiến công tác nghiên cứu khoa học-kỹ thuật để phục vụ việc xây dựng một nền kinh tế toàn diện ở miền núi, kể cả ở những nơi có rừng. Rừng không chỉ cung cấp gỗ, mà còn cung cấp các thứ lương thực, thực phẩm khác. «Rừng là vườn», đó là một câu nói đầy ý nghĩa. Phải xây dựng tư tưởng biết quý rừng, chăm sóc rừng như chăm sóc vườn tược, kết hợp từng bước việc bảo vệ và kinh doanh rừng với việc phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Ngược lại, trên những vùng đất đai nông nghiệp hiện nay, thì cần nghiên cứu và xác định những thứ cây lâu năm thích hợp nhất để trồng phổ biến như chúng ta đang làm ở miền Bắc, từ khi có lời kêu gọi «Tết trồng cây» của Bác Hồ. Ở những nơi cần thiết thì tạo nên những giải rừng để giữ độ ẩm của đất và để chắn gió. Để đẩy mạnh công tác trồng cây phủ xanh đồi trọc, một phương hướng lớn là kết hợp trồng cây lâm nghiệp với trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và trồng cỏ. Như vậy không những chỉ trồng cây để lấy gỗ, mà còn khuyến khích trồng các thứ cây vừa cho gỗ tốt, vừa cung cấp thức ăn cho người và gia súc, vừa phát triển chăn nuôi, vừa từng bước cải tạo và làm tốt đất đai trở lại. Một thí dụ cần nêu lên là có nhiều địa phương đã phủ xanh đồi trọc thành công bằng chủ trương trồng cây mít, có nơi đã trồng thành rừng trên mấy trăm héc-ta. Cây mít vừa cung cấp lương thực cho người, thức ăn cho gia súc, vừa cho gỗ quý. Ở dưới tán, lại có thể trồng dưa hoặc trồng cỏ để chăn nuôi. Cần theo dõi để xác định ảnh hưởng của cây mít đối với đất đai như thế nào. Khoa học lâm nghiệp và nông nghiệp phải tìm ra cho được nhiều loại cây như vậy, phù hợp với từng vùng của lãnh thổ nước ta.

Nông nghiệp không những phải thâm nhập vào rừng mà còn phải thâm nhập mạnh mẽ vào môi trường nước sông, nước biển. Diện tích mặt nước ngọt trên đất đai nước ta rất lớn. Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều sông ngòi, kênh rạch. Ở đồng bằng sông Hồng có địa phương mặt nước ngọt chiếm tới 15-20% diện tích tự nhiên. Diện tích mặt nước đó chứa đựng nhiều khả năng về nuôi cá nước ngọt và trồng trọt một số loại thực vật có ích. Nếu chúng ta biết rằng, mỗi một héc-ta mặt nước có thể cung cấp đến 5 tấn cá nước ngọt, thì chúng ta không còn coi thường việc đầu tư khoa học và kỹ thuật vào môi trường này để phát triển các nguồn lợi thiên nhiên.

Ngày nay, trên thế giới, khái niệm nông nghiệp không còn hạn chế ở trên đất liền, mà đã mở rộng đến môi trường nước, kể cả nước biển, hình thành từng bước ngành «nông nghiệp ở môi trường nước». Ở đây

trong hội nghị này, cũng như trong bài phát biểu này, tôi không có ý định nói về khoa học về biển, bởi vì đó là một vấn đề hết sức rộng lớn. Tôi chỉ muốn đề cập vấn đề tới sự phát triển của ngành trồng trọt và chăn nuôi ở vùng biển của nước ta, kể cả trên 40 vạn héc-ta vịnh, eo biển, đầm phá, trên vùng nước lợ ở ven bờ, cũng như trên vùng biển ngoài khơi, nhất là ở gần các hải đảo. Hiện nay, người ta đã thấy rằng với lối khai thác hải sản ở ạt trên qui mô lớn bằng phương tiện cơ giới ngày càng hiện đại, ở nhiều vùng biển trên thế giới đã xuất hiện hiện tượng các nguồn hải sản cạn dần. Ở nước ta, tuy nghề đánh cá chưa phát triển lắm, nhưng do việc khai thác trái phép và bừa bãi của các tàu đánh cá nước ngoài, cho nên một số bãi cá đã nghèo dần, một số loại hải sản qui giảm đi trông thấy. Mặt khác, vùng biển của nước ta có thể là một trong những vùng biển giàu có nhất, nhất là về các hải sản đặc biệt. Nguồn lợi to lớn đó hiện ta chưa khai thác được bao nhiêu. Vì vậy, khoa học và kỹ thuật cần được đầu tư mạnh hơn nữa vào vấn đề điều tra nghiên cứu đánh bắt và nuôi, trồng ở vùng biển, chú trọng các loại tôm cá, các loại thực vật biển, các đặc sản quý. Có như vậy, mới thực hiện được chỉ tiêu về hải sản do Trung ương đề ra, vừa góp phần giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân, vừa tăng thêm mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn.

Đất đai với nghĩa rộng của nó là một tư liệu sản xuất vô giá. Đất, nước, rừng và biển

đều có tầm quan trọng rất lớn đối với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ngư nghiệp. Bởi vậy, chúng ta phải biết quý, biết sử dụng, bảo vệ các tài nguyên quý báu ấy. « Chúng ta không thể đối xử với thiên nhiên, thống trị thiên nhiên như kẻ xâm lược thống trị dân tộc khác, như một kẻ đứng ngoài thiên nhiên. Trái lại, chúng ta thuộc về nó cả xương, thịt, máu và trí tuệ, và chúng ta ở bên trong nó. Khác với những sinh vật khác, toàn bộ sự thống trị của chúng ta đối với thiên nhiên là ở chỗ chúng ta có thể nhận biết được các quy luật của nó và ứng dụng các quy luật đó một cách đúng đắn » (1). Nhiệm vụ của cách mạng khoa học—kỹ thuật là phải phát hiện ra các quy luật của thiên nhiên nước ta, của đất đai, nước, rừng, biển của nước ta, trên cơ sở đó mà làm cho người lao động Việt Nam nói chung, người nông dân và công nhân trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp nói riêng trở thành những người làm chủ thoả mãn, sáng tạo, biết thương yêu, biết quý trọng tác đất của Tổ quốc, biết sử dụng tốt nhất đất, nước, rừng, biển của ta một cách đúng quy luật nhất, vì lợi ích trước mắt và lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.

(Còn nữa)

(1) C. Mác, F. Ăng-ghe-n. Toàn tập, Tập 20, tr. 499 (tiếng Nga)

SỬA LẠI

Tạp chí Hoạt động khoa học số 5-1978, trang 30, dòng 10 (từ dưới lên) xin đọc: Nguyễn Văn Kha — Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả.